

Số 04-2019 (20)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHUNG KẾT CUỘC THI

TÌM KIẾM TÀI NĂNG KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 10 năm 2019



- ✿ Nghị quyết số 53/NQ-CP về giải pháp khuyến khích và thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp an toàn và bền vững
- ✿ Hỗ trợ theo chiều sâu với các nhiệm vụ của Đề án 844
- ✿ Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu
- ✿ Kết quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về năng suất và chất lượng năm 2019



TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - Email: trungtamthongtinld@gmail.com - Website: lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Đỗ Minh Ngọc

Biên tập

Nguyễn Như Chương

Phạm Thị Nhâm

Nguyễn Hồng Ngọc

Trần Quốc Tuấn

Trần Vũ Uyên Phương

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Trình bày:

Trung tâm Ứng dụng

KH&CN Lâm Đồng

Ảnh bìa:

Chung kết Cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- 1 Nghị quyết số 53/NQ-CP về giải pháp khuyến khích và thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp an toàn và bền vững
- 5 **Ngô Hà** - Hỗ trợ theo chiều sâu với các nhiệm vụ của Đề án 844
- 7 **Nguyễn Thị Lệ Hoàng** - Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu
- 9 **Trần Công Đăng** - Thông tư số 68/2019/TT-BTC - Đáp ứng cơ bản những vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 11 **Nguyễn Tú Uyên** - Kết quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về năng suất và chất lượng năm 2019
- 12 Hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại cho sản phẩm hoa dịp tết Canh Tý 2020
- 14 **Nguyễn Đình Thiện** - Hỗ trợ các chuỗi liên kết sản xuất trên địa bàn thành phố Đà Lạt nhằm thúc đẩy sản xuất - kinh doanh sản phẩm chủ lực của địa phương
- 17 **Ngô Thanh Sơn** - Công tác hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt thực hiện Đề án "Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, truy xuất nguồn gốc các mặt hàng đặc sản Đà Lạt"
- 18 Kết quả triển khai thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 20 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO
- 21 Công nghệ mới, sản phẩm mới

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 22 Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ
- 24 Trồng, sản xuất cà phê theo phương pháp hữu cơ

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 28 ISO 22301:2012 và sự khác biệt với các tiêu chuẩn có yêu cầu về quản lý rủi ro



NGHỊ QUYẾT SỐ 53/NQ-CP VỀ GIẢI PHÁP KHUYẾN KHÍCH VÀ THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP AN TOÀN VÀ BỀN VỮNG

Thời gian qua, tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp đạt khá; năng suất, chất lượng và hiệu quả không ngừng được nâng cao. Hiện nay, Việt Nam đã đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và trở thành nước xuất khẩu nông sản đứng thứ 2 tại khu vực Đông Nam Á, thứ 15 trên thế giới với 10 nhóm mặt hàng nông, lâm, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 6 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỷ USD.

Đạt được những thành tựu quan trọng trên là nhờ việc ban hành các chính sách đúng đắn, hiệu quả của Đảng và Nhà nước; quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ, các thiết chế thuộc khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; việc áp dụng các loại hình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp như: doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, mô hình kinh tế hộ; trong đó, các doanh nghiệp đang là “trụ cột”, “đầu tàu” trong việc thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh và phát triển thương hiệu nông sản Việt Nam.

Thực tiễn cho thấy, nhà nước cần có chính sách để doanh nghiệp hợp tác với các thiết chế khu vực nông nghiệp thúc đẩy việc tích tụ, tập trung đất đai tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao trong nông nghiệp, sản xuất các mặt hàng nông sản có chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn hơn, có khả năng tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; tạo vị thế xây dựng thương hiệu quốc gia Nông nghiệp Việt Nam, đồng thời, huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, tạo môi trường cạnh tranh sôi động trong nông nghiệp.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đã quan tâm và triển khai dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có những doanh nghiệp hàng đầu thế giới về tôm, cá tra, lúa gạo, cà phê,... Hệ thống doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã hình thành với trên 50 ngàn doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, gồm sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản, các dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp; trong đó, khoảng 10.200 doanh nghiệp trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản.

Tuy nhiên, sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển; doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp hiện chỉ chiếm 8% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó

doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản chiếm 1%. Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chủ yếu ở dạng hộ sản xuất với hơn 9,2 triệu hộ quy mô rất nhỏ. Quy mô các doanh nghiệp chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, chiếm 96% số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Năng suất lao động ngành nông nghiệp còn hạn chế, khoảng 38% năng suất lao động bình quân chung cả nước và thấp hơn hầu hết các nước trong khu vực. Trình độ khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp còn thấp, ứng dụng khoa học và công nghệ, các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, quốc tế còn hạn chế, chỉ có gần 5% doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương. Thị trường tiêu thụ không bền vững; kênh tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi với các nhà phân phối bán lẻ lớn còn hạn chế; số doanh nghiệp tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít; rào cản về kỹ thuật, chất lượng của thị trường quốc tế ngày càng khắt khe. Tình trạng vi phạm về an toàn thực phẩm vẫn diễn ra, đây là việc cạnh tranh sản xuất nông sản thiếu lành mạnh; vấn đề truyền thông chưa hiệu quả khi phản ánh một số trường hợp vi phạm đã tạo ra hiệu ứng tẩy chay hàng nông sản Việt vì vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Nông nghiệp Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng và cơ hội cần khai thác, đặc biệt là quỹ đất, nguồn nhân lực và tận dụng cơ hội trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, trong thời gian tới, người dân và cộng đồng doanh nghiệp phải cùng nhau chung sức để đưa Việt Nam vươn lên vị trí hàng đầu thế giới về hàng nông sản.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, Chính phủ đã yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm.
- Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 6-8%/năm.
- Đến năm 2030, có 80.000-100.000 doanh nghiệp có hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp hiệu quả; trong đó, khoảng 3.000-4.000 doanh nghiệp có quy mô lớn và 6.000-8.000 doanh nghiệp quy mô vừa.

Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện



kinh doanh trong nông nghiệp, tạo sức hấp dẫn để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng kết các chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế; khẩn trương rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính về thuế không phù hợp, chuẩn hóa các thủ tục hành chính và ban hành ở cấp Nghị định.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp dự án của các địa phương đề nghị hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cân đối hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương.

d) Bộ Công thương đẩy mạnh triển khai hiệu quả Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo. Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP trong quý IV năm 2019.

đ) Các bộ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách quy định, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển nông nghiệp, đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

e) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trên cơ sở lợi thế tự nhiên của địa phương để đưa ra các chính sách khuyến khích doanh nghiệp khai thác hiệu quả các điều kiện tự nhiên như: đất đai, thổ nhưỡng, nguồn nước và tài nguyên, đưa địa phương nhanh chóng trở thành những trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, sạch; tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp bảo đảm phù hợp với nhu cầu thị trường, kế hoạch và chiến lược phát triển ngành nông nghiệp.

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì rà soát, nghiên cứu xây dựng chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển ngành mang tính bền vững, ổn định và hiệu quả, ưu tiên phát triển những ngành, sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm chính (sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia, cấp tỉnh và các sản phẩm đặc sản địa phương) và nghiên cứu xây dựng đề án phát triển 3 ngành chế biến để phấn đấu đứng trong số 5 nước hàng

đầu thế giới về rau, củ, quả; thủy, hải sản; gỗ và sản phẩm từ gỗ; trình Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2020.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung nghiên cứu phát triển công nghệ sau thu hoạch, khắc phục tổn thất sau thu hoạch, có lợi cho nông dân, gia tăng giá trị sản phẩm và tạo ra những ưu thế so sánh nhất định cho sản phẩm nông nghiệp Việt Nam.

b) Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng đề án, kế hoạch, chiến lược phát triển logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp giảm chi phí, thời gian vận chuyển, phân phối sản phẩm; trình Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2020.

c) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển ngành hàng chế biến dược liệu, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2020.

3. Đổi mới cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến mở rộng thị trường, từng bước chủ động được thị trường.

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương xây dựng đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường. Qua đó tư vấn, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để điều tiết hoạt động phù hợp theo nhu cầu thị trường, tránh bị ép giá bán; trình Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2020.

b) Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đánh giá các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại, tập trung triển khai nội dung xúc tiến thương mại hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản, nâng cao năng lực phát triển sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm tại các thị trường trọng điểm; phối hợp với hệ thống Thương vụ tại nước ngoài để đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nhằm đưa nông sản Việt Nam tiếp cận các hệ thống bán lẻ, chuỗi siêu thị tại thị trường nước ngoài.

c) Bộ Ngoại giao chỉ đạo mạng lưới các cơ quan đại diện ở nước ngoài phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu nông sản, thu hút đầu tư chất lượng cao và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

4. Hoàn thiện chính sách tín dụng cho các dự án nông nghiệp theo hướng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, chỉ đạo các tổ chức tín dụng các nội dung sau:

- Cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng



cường kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án ứng dụng công nghệ cao, đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục vay vốn cho người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai hiệu quả chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phù hợp với các đối tượng khách hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen ở nông thôn.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương nghiên cứu, đề xuất, điều chỉnh chính sách thuế hợp lý nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, đảm bảo ổn định chính sách vĩ mô; triển khai hiệu quả Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về Bảo hiểm nông nghiệp.

6. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp; khai thác tối đa các cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển nông nghiệp vượt trội, hiệu quả và bền vững.

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Quy hoạch phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung là nội dung của quy hoạch tỉnh, các địa phương đang lập theo Luật Quy hoạch và theo định hướng phát triển của ngành; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2019.

- Chủ trì rà soát, đánh giá và hoàn thiện hệ thống các cơ quan quản lý và chứng nhận chất lượng hàng nông sản đạt chuẩn từ Trung ương đến địa phương; tiêu chuẩn cho hàng hóa nông sản và hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế; nghiên cứu sửa đổi cơ chế, chính sách về nghiên cứu khảo nghiệm giống mới theo hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thực hiện các đề án, dự án nghiên cứu, tiếp nhận kết quả nghiên cứu.

- Chú trọng nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý chất lượng thông qua đào tạo nguồn nhân lực; nâng cấp, trang bị máy móc hiện đại để có kết quả kiểm tra chính xác, tương thích với các nước phát triển.

- Chủ trì nghiên cứu, hoàn thiện chính sách đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực nông nghiệp; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2019.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tập trung ưu tiên đầu tư khoa học và công nghệ trong sản xuất, chế biến đối với các ngành hàng chủ lực, đặc biệt là chọn tạo và sử dụng giống mới, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến, tạo chuỗi và nâng cao chất lượng nông, thủy, hải sản, chăn nuôi.

- Đẩy mạnh cải cách quy trình, thủ tục hành chính về chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài nguyên về giống, kết quả nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù; thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc (mã số, mã vạch, QR code,...), tài sản trí tuệ cho các sản phẩm được bảo hộ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

c) Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, ban hành danh mục sản phẩm cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2019.

7. Hoàn thiện cơ chế hoạt động cho thị trường quyền sử dụng đất, tạo cơ chế đồng bộ để thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp phát triển; khẩn trương nghiên cứu cơ chế thí điểm về tích tụ, tập trung ruộng đất, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, người nông dân và doanh nghiệp.

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

- Nghiên cứu trình Chính phủ và Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai theo hướng phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp, mở rộng hạn mức chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân; hoàn thiện quy định về các quyền và nghĩa vụ sử dụng đất nông nghiệp của các tổ chức, cá nhân; thiết lập các cơ chế thuận lợi để hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiếp cận đất đai, hình thành các vùng sản xuất, chế biến tập trung; trình Chính phủ trong năm 2021.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thực hiện các nội dung cần thí điểm để tích tụ, tập trung đất đai; trình Chính phủ trong tháng 11/2019.

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất nông nghiệp, trình Chính phủ trong tháng 10/2019.

b) UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở đặc điểm về tự nhiên, kinh tế - xã hội, tiềm năng và lợi thế về đất đai để tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất đảm bảo quy hoạch ổn định, tập trung đất thích hợp cho mục đích nông nghiệp.

8. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của



doanh nghiệp trong nông nghiệp. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện các nội dung:

a) Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ và ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh,...), gắn với các định hướng phát triển dịch vụ - công nghiệp của từng địa phương, gắn với kỹ năng và kinh nghiệm của các làng nghề; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2019.

b) Nghiên cứu, xây dựng chính sách hợp lý để thu hút các nghệ nhân tham gia đào tạo nghề; điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề và học viên học nghề; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2019.

c) Nghiên cứu ban hành chính sách ưu tiên hỗ trợ đào tạo nông dân của các vùng quy hoạch sản xuất trọng điểm; lao động trong trang trại, gia trại, doanh nghiệp nông nghiệp, thành viên hợp tác xã; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2019.

9. Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước theo tinh thần Chính phủ kiến tạo, trao quyền cho thị trường quyết định; nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh nông sản.

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản Việt Nam hiện đại giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2030; trình Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2019.

- Tập trung quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản nông sản thực phẩm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, đặc biệt là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, hóa chất cấm trong nông sản thực phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh nông sản thực phẩm theo hướng “tăng hậu kiểm, giảm tiền kiểm”; tăng cường áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ trong hoạt động kiểm định độc lập trên thị trường, đồng thời tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

b) Bộ Công thương tiếp tục hướng dẫn các địa phương triển khai xây dựng, nhân rộng mô hình thí điểm chợ bảo đảm an toàn thực phẩm và mô hình các cơ sở kinh doanh thực phẩm an toàn.

c) Bộ Y tế chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm; cảnh báo sự cố ngộ độc thực phẩm; phối

hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương kết hợp thanh, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong 1 đợt thanh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đối với nông sản thực phẩm theo đúng quy định của pháp luật (không quá 1 lần/năm), trừ trường hợp thanh, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế để các cơ quan kiểm định chất lượng thực phẩm độc lập trên thị trường (trên cơ sở đặt hàng của nhà nước, được nhà nước giao chỉ tiêu hàng năm), căn cứ kết quả kiểm định thực hiện xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2019.

d) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển nông nghiệp thông minh.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông cần nêu cao tinh thần dân tộc, phản ánh trung thực, kịp thời các trường hợp vi phạm, đảm bảo đủ tính răn đe nhưng không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp làm ăn chân chính.

đ) UBND các cấp

- Tập trung triển khai thực hiện các chính sách cụ thể của Trung ương phù hợp với thực tế tại địa phương để xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; thúc đẩy áp dụng rộng rãi mô hình VietGAP, các mô hình sản xuất an toàn khác và phát triển hệ thống phân phối thực phẩm an toàn.

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn; xác định việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm là nhiệm vụ quan trọng cần tập trung chỉ đạo, điều hành; ưu tiên bố trí đủ kinh phí, nguồn lực cho công tác quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm. Trước mắt, chủ động bố trí kinh phí tương ứng với số tiền thu được từ xử phạt hành chính về an toàn thực phẩm thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để đầu tư trang thiết bị kỹ thuật và công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý, tiêu hủy thực phẩm không an toàn.

- Phối hợp với các bộ, ngành và địa phương kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các làng nghề thực phẩm, đảm bảo vừa duy trì và phát triển làng nghề truyền thống, vừa đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng; triển khai mô hình điểm kiểm soát an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị kinh doanh thực phẩm.

10. Bộ Công an, Công thương chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và sản xuất, kinh doanh hàng giả nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. ■



HỖ TRỢ THEO CHIỀU SÂU VỚI CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN 844

NGÔ HÀ

Ngày 19/7/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2019/TT-BTC quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 844). Qua đó, đã chính thức hình thành khung pháp lý cho phép địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp.

Tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động tài chính ở địa phương

Từ trước đến nay, do chưa có quy định tài chính chính thức nên việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án 844 phải áp dụng theo hiệp y tài chính được Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 5321/BTC-HCSN ngày 24/04/2017 về việc triển khai Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, hiệp y tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể cho địa phương để thực hiện các hoạt động của Đề án 844, dẫn đến khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Do đó, việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2019/TT-BTC về quản lý tài chính thực hiện Đề án 844 đã cho phép cơ chế tài chính hoàn thiện, thông thoáng hơn. Đây là cơ sở pháp lý để chính quyền các địa phương tham khảo, xây dựng kế hoạch triển khai Đề án 844 dựa trên thế mạnh, đặc điểm riêng của từng địa phương; theo đó, ngân sách cho phát triển hệ sinh thái có thể chi theo luồng “doanh nghiệp nhỏ và vừa” như hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Khoản 1, Điều 25 Nghị định số 39/2018-NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc một số văn bản pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, Thông tư số 45 cũng cho phép các tỉnh, thành phố có cơ chế tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương (Điều 5) như Techfest Vùng, với một số hỗ trợ nhất định về giải thưởng cuộc thi, hội thảo chuyên đề, chi phí tiếp đoàn khách quốc tế, thuê địa điểm, truyền thông,...

Thông tư cũng cho phép ngân sách địa phương chi hỗ trợ sửa chữa, lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin cho Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo địa phương với mức hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng/dự án.

Tập trung một số mảng ưu tiên

Thông tư số 45 được ban hành tập trung hỗ trợ theo chiều sâu đối với các nhiệm vụ của Đề án 844, giảm bớt tính “khuyến khích” phát triển theo chiều rộng của hệ sinh thái như thời gian đầu triển khai. Theo đó, ngân sách nhà nước chỉ chi cho một số mảng ưu tiên và đòi hỏi các tổ chức trung gian có năng lực mạnh hơn, khuyến khích sử dụng các nguồn xã hội hóa bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước.

Ví dụ, với hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước chỉ tập trung hỗ trợ việc thuê chuyên gia và tiền bản quyền chương trình đào tạo, mức hỗ trợ từ 50-100% tùy tính chất tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Các chi phí tổ chức, hội trường, truyền thông, in ấn, văn phòng phẩm,... sẽ do đơn vị tự đảm nhận, vì vậy, những tổ chức trung gian có sẵn cơ sở vật chất sẽ có lợi thế thực hiện nhiệm vụ trong khi những tổ chức yếu hơn phải chủ động tìm kiếm thêm các nguồn tài chính khác.

Tương tự, với nhiệm vụ truyền thông, khi ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ tối đa 50% kinh phí xây dựng chương trình, so với mức 100% trước kia. Điều này đòi hỏi các đơn vị truyền thông xây dựng chương trình có chất lượng cao, thu hút các đơn vị khác phối hợp cùng triển khai nhiệm vụ của Đề án 844.

Nổi bật trong Thông tư số 45 là những quy định về thuê chuyên gia. Ngân sách nhà nước cho phép chi trả cho 2 loại hình: chuyên gia đào tạo và chuyên gia kết nối, trong đó chi phí cho chuyên gia trong nước giới hạn ở mức 10-15 triệu đồng/người/chương trình nhưng với chuyên gia nước ngoài sẽ không có mức trần mà phụ thuộc hoàn toàn vào thực tế phát sinh, khả năng ngân sách địa phương và năng lực thuyết minh bảo vệ của tổ chức trung gian trước hội đồng xét duyệt về chất lượng chuyên gia, sự cần thiết của họ với sự kiện và những tiêu chí đánh giá kết quả tác động...



Dây chuyền sắp xếp hàng hóa tại Khu công nghệ phần mềm Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh



Đại diện Tubudd (ứng dụng du lịch bản địa) thuyết trình với nhiều quỹ đầu tư tại Mỹ vào tháng 9/2019

Điều này cho phép các chương trình kết nối đầu tư (business matching) có thể thuê những chuyên gia có mạng lưới quan hệ rộng để huy động nhiều quỹ đầu tư lớn tham gia. Các đòn bẩy trên sẽ giúp đưa yếu tố quốc tế về Việt Nam và góp phần đưa startup Việt Nam cạnh tranh trên thế giới. Các nhà hoạch định chính sách kỳ vọng “thầy giỏi sẽ tạo nên trò tốt”, khi chất lượng các chuyên gia, khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, buổi kết nối được nâng lên sẽ có càng nhiều startup tiềm năng xuất hiện.

Không thể phủ nhận rằng khi áp dụng Thông tư số 45, gánh nặng kinh phí của nhà nước sẽ giảm. Tuy nhiên, điều này cũng sẽ khiến nhiều đơn vị phải cân nhắc xem có thể tham gia được hay không. Điển hình như Trung tâm Ứng dụng và Thông tin khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ, một tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc gần đây bắt đầu nổi lên năng động trong các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trong vùng cho biết, năm 2020, họ đăng ký thực hiện 1 nhiệm vụ thuộc Đề án 844 nhưng “*đối với đơn vị sự nghiệp thì việc triển khai vô cùng khó khăn khi phải đối ứng 50% kinh phí, do hiện tại Trung tâm chưa tự chủ được tài chính, nguồn thu dịch vụ ít ỏi. Bên cạnh đó, là tỉnh đứng ra thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho vùng thì cũng không thể xin đối ứng của tỉnh được*”.

Nhà nước đầu tư trực tiếp cho startup

Từ kinh nghiệm quốc tế, với đặc thù sáng tạo, đổi mới, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng song hành với rủi ro cao, startup luôn là đối tượng cần sự hỗ trợ ban đầu của nhà nước trong việc cung cấp vốn mồi và các dịch vụ thiết yếu để vượt qua “thung lũng chết”. Ngược lại, ngân sách các nước như Việt Nam thường bị ràng buộc bởi nguyên tắc “bảo toàn vốn”, nên việc đầu tư trực tiếp cho startup là điều cần phải được cân nhắc.

Mặc dù từ khi thiết kế, Đề án 844 đã có cấu phần hỗ trợ doanh nghiệp trong hệ sinh thái, nhưng do cơ chế tài chính cũ nên phần lớn đối tượng được tài trợ trực tiếp là các tổ chức trung gian mà không phải startup. Thông tư số 45 đã bắt đầu có những khoản vốn cho phép đầu tư trực tiếp xuống doanh nghiệp khởi nghiệp, gồm hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài; hỗ trợ trả tiền công lao động trực tiếp, tối đa không quá 1 năm; hỗ trợ tối đa 50% kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ.

Trước nhu cầu mới đặt ra này, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan đang gấp rút xây dựng bộ tiêu chí để chọn ra những doanh nghiệp khởi nghiệp tiềm năng có khả năng nhận hỗ trợ. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho việc nhà nước dần thay đổi cơ chế để chấp nhận các khoản chi tiêu rủi ro. Tiến trình thay đổi hệ thống chính sách về khởi nghiệp sẽ đặt ra hy vọng để Việt Nam có thể hình thành được các Quỹ đầu tư, Quỹ mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước huy động vốn cho startup như các nước Singapore, Hàn Quốc, Mỹ, Phần Lan đang thực hiện.

Ngoài ra, các startup vẫn được nhà nước hỗ trợ gián tiếp thông qua việc hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ của các tổ chức hỗ trợ trung gian gồm: dịch vụ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ với giá trị không quá 80 triệu đồng/doanh nghiệp. ■



GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG

Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng

Bên cạnh việc chiếm lĩnh thị trường trong nước, thúc đẩy xuất khẩu là rất cần thiết và có những ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước. Hoạt động xuất khẩu cần phải có chất lượng tốt để có thể thuyết phục khách hàng ở quốc gia khác. Điều này có nghĩa, hàng hóa xuất khẩu cần đảm bảo tỷ lệ chất lượng kèm theo chi phí hấp dẫn. Đồng thời, do chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn, các hoạt động xuất khẩu đang có xu hướng cải tiến công nghệ và năng suất nhanh hơn so với phần còn lại của nền kinh tế. Ngoài ra, các nhu cầu của hoạt động xuất khẩu thường khá đặc trưng về cơ sở hạ tầng, kỹ năng và công nghệ nên sẽ kích thích việc hoàn thiện đồng bộ các hạ tầng cơ sở.

Trong những năm gần đây, nhờ cơ hội từ các Hiệp định Thương mại tự do đa phương, song phương mà Việt Nam tham gia, cùng với sự cải thiện cơ sở hạ tầng mà lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Lâm Đồng có nhiều sự chuyển biến, giá trị xuất khẩu liên tục tăng mặc dù quy mô còn nhỏ.

Tổng quan tình hình xuất khẩu hàng hóa tỉnh Lâm Đồng năm 2018 và 9 tháng đầu năm 2019

Năm 2018, xuất khẩu Lâm Đồng tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh là 661 triệu USD, đạt 105% so với kế hoạch và tăng 19,8% so với năm 2017. Xét về cơ cấu xuất khẩu hàng hóa, chiếm tỷ trọng cao nhất là nhóm hàng nông sản (48%), tiếp theo là nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (39%), thấp nhất là nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (13%).

Ước kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh 9 tháng đầu năm 2019 đạt 568,5 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 79% kế hoạch 2019. Trong đó, nhóm hàng công nghiệp nặng đạt khoảng 220 triệu USD, chiếm khoảng 43% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; nhóm hàng nông sản đạt 270 triệu USD, chiếm 52% tổng

kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp đạt khoảng 78,5 triệu USD, chiếm khoảng 15%.

Thị trường xuất khẩu chính của hàng hóa tỉnh Lâm Đồng gồm:

- Nhóm hàng nông sản chủ yếu xuất sang Nhật Bản, Đài Loan, các nước thuộc Liên minh châu Âu;
- Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (chủ yếu là alumin) được xuất sang Trung Quốc, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Ấn Độ, Hàn Quốc, UAE;
- Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp với thị trường chính là Mỹ, các nước khối EU, Nhật Bản và Ấn Độ.

Tiềm năng xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Lâm Đồng

Trong 3 nhóm hàng gồm nông sản; công nghiệp nặng và khoáng sản; công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, nông sản chính là thế mạnh của tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng đang có các loại cây nông nghiệp dài và ngắn ngày như: cà phê, chè, rau, hoa,... với diện tích lớn nhất, nhì của Việt Nam cùng với việc hình thành các vùng trồng chuyên canh, canh tác theo công nghệ cao cho năng suất và chất lượng tốt hơn các vùng khác.

Thách thức trong xuất khẩu hàng hóa

Những sản phẩm nông nghiệp của Đà Lạt nói riêng, Lâm Đồng nói chung đã có vị trí nhất định tại thị trường trong nước nhưng đối với xuất khẩu, nông sản Lâm Đồng mới chỉ tham gia được ở mức độ thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu. Nguyên nhân do:

- Phần lớn nông sản của tỉnh đang được sản xuất bởi các hộ nông dân nên khó đảm bảo chất lượng đồng đều và thường xuyên cho các đơn hàng xuất khẩu lớn.

- Vị trí xa cảng biển nên chi phí vận chuyển cao, cùng với tỷ lệ hư hỏng sau thu hoạch, chi phí bảo quản sau thu hoạch cao đã làm cho



giá xuất khẩu nông sản cao hơn so với các sản phẩm cùng loại của nước ngoài.

- Các doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh hầu hết có quy mô nhỏ, yếu về năng lực tài chính dẫn đến bị hạn chế trong đầu tư công nghệ, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

- Nông sản của tỉnh hầu hết chưa xuất khẩu được với thương hiệu riêng của doanh nghiệp mà phải thông qua các nhà phân phối trung gian hoặc chỉ sơ chế cho các thương hiệu lớn.

- Vấn đề gian lận nguồn gốc xuất xứ đang ảnh hưởng đến uy tín của nông sản xuất khẩu.

- Tình trạng bão hòa của thị trường thế giới nói chung và giá nông sản xuất khẩu gần như đã đạt đỉnh nên khả năng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhờ yếu tố giá không còn nhiều, các sản phẩm xuất khẩu muốn đạt giá trị cao cần phải cạnh tranh dựa trên yếu tố công nghệ.

Các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu

Trong những năm qua, Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa địa phương. Cụ thể như sau:

1. Xây dựng cơ sở để triển khai các hoạt động hỗ trợ thông qua *Đề án phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tỉnh Lâm Đồng đối với từng khu vực thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* nhằm có sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành của tỉnh Lâm Đồng.

2. Cung cấp thông tin giúp các doanh nghiệp xuất khẩu định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc xuất bản Bản tin thông tin thị trường và ngành hàng.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, gồm phối hợp với các Thương vụ Việt Nam ở các nước và Tổng lãnh sự quán của các nước tại thành phố Hồ Chí Minh để kết nối doanh nghiệp của tỉnh với các nhà nhập khẩu ở nước ngoài; phối hợp tổ chức các hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp trong tỉnh và các nước, các hệ thống phân phối nước ngoài ở Việt Nam; giới thiệu doanh nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế ở các quốc gia và chương trình xúc tiến thương mại do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) tổ chức.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương mại điện tử; tham gia các sàn giao dịch thương mại

điện tử uy tín trong và ngoài nước; ứng dụng tiếp thị đa kênh; xây dựng website, fanpage,...; trang bị phần mềm quản lý bán hàng,... để tăng cơ hội quảng bá, tiếp cận khách hàng.

5. Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng trong hoạt động xuất khẩu cho doanh nghiệp gồm phổ biến thông tin về các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia, tập huấn về nghiệp vụ xuất khẩu, khai báo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, hướng dẫn tìm kiếm khách hàng thông qua các công cụ trực tuyến,...

Một số giải pháp và khuyến nghị

Hiện nay, các Hiệp định Thương mại tự do song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia đang mở rộng cơ hội thị trường cho nông sản xuất khẩu; xu hướng ăn chay và sử dụng protein nguồn gốc thực vật đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt là trong giới trẻ; xu hướng sử dụng các sản phẩm hữu cơ, hướng đến những sản phẩm sạch, an toàn tăng lên, nhất là đối với người dân khu vực thành thị; thương mại điện tử tạo điều kiện cho thương mại xuyên biên giới phát triển.

Tuy nhiên, suy thoái kinh tế toàn cầu khiến cho kênh tiêu dùng gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các nền kinh tế phát triển. Các nước liên tục gia tăng các chính sách bảo hộ và rào cản kỹ thuật, các tiêu chuẩn đối với hàng hóa nước ngoài sẽ ngày càng nghiêm ngặt nhằm hạn chế hàng hóa nhập khẩu; các biện pháp phòng vệ thương mại sẽ có xu hướng gia tăng; đồng thời, các nước cũng thực hiện các giải pháp hướng về xuất khẩu nhằm khôi phục kinh tế. Do đó, sự cạnh tranh giữa các quốc gia ngày càng lớn. Công nghệ số phát triển và thay đổi liên tục nên người tiêu dùng được trao quyền nhiều hơn và hành vi mua hàng của họ phức tạp hơn đã rút ngắn vòng đời của sản phẩm.

Do đó, hàng hóa xuất khẩu thay vì định hướng mở rộng về quy mô sản lượng thì nên định hướng phát triển dòng hàng nông nghiệp tiêu chuẩn hữu cơ và kiểm soát chặt chẽ về chất lượng; áp dụng cấp mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc xuất xứ theo quá trình. Bên cạnh đó, cần chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm, quy cách đóng gói, mẫu mã bao bì sản phẩm và quảng cáo, tiếp cận khách hàng bằng phương thức đa kênh (trực tiếp và trực tuyến). Xây dựng và phát triển thương hiệu song song với tăng cường các hoạt động chống cạnh tranh, độc quyền, bán phá giá để đảm bảo có thể cạnh tranh trong bối cảnh thị trường quốc tế mở. ■



THÔNG TƯ SỐ 68/2019/TT-BTC - ĐÁP ỨNG CƠ BẢN NHỮNG VƯỚNG MẮC CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

TRẦN CÔNG ĐĂNG

Trung tâm Tư vấn Pháp luật - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng

Thông tư số 68/2019/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 30/9/2019 về “*Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ*” đã đáp ứng được sự mong mỏi của cộng đồng doanh nghiệp, giúp giải quyết nhiều vướng mắc trong việc thực hiện hóa đơn điện tử.

Việc Thông tư số 68/2019/TT-BTC được ban hành đã giải quyết một số nội dung vướng mắc cơ bản của doanh nghiệp như:

- Nghị định số 119/2018/NĐ-CP đã có hiệu lực từ ngày 01/11/2018 nhưng thực tế chưa thể thực hiện do chưa có Thông tư hướng dẫn. Một số vấn đề mới, phức tạp liên quan đến cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan thuế, các cơ quan liên quan cũng như của các doanh nghiệp đã được Bộ Tài chính lấy ý kiến và tiếp thu. Tuy Thông tư chậm ban hành nhưng sẽ giúp doanh nghiệp không phải chờ đợi, xem xét thời gian bắt buộc phải áp dụng hóa đơn điện tử.

- Thông tư số 68/2019/TT-BTC đã giải quyết cơ bản những vướng mắc mà doanh nghiệp kiến nghị liên quan đến hóa đơn điện tử như: khi lập hóa đơn điện tử thường xảy ra trường hợp ngày lập hóa đơn khác với ngày người bán ký số, ký điện tử, nội dung này không riêng doanh nghiệp mà các đơn vị cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử cũng vướng mắc. Theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC, thời điểm lập hóa đơn điện tử được xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử; nội dung trên hóa đơn điện tử có các ký tự về số, đối với các hóa đơn của doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài lập như có các dấu chấm, dấu phẩy..., Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn cụ thể đối với mã ký hiệu ngoại tệ phải theo chuẩn mực quốc tế, quy định này rất rõ ràng, tránh những cách hiểu khác nhau; xác định đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử thông thường và đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn cụ thể trường hợp có rủi ro cao về thuế sẽ bắt buộc phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Bên

cạnh đó, Thông tư cũng giải thích cụ thể tiêu chí xác định rủi ro về thuế như doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng, không chứng minh được quyền sở hữu tài sản hợp pháp (nhà máy, kho hàng, hầm mỏ...); doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác tài nguyên; có giao dịch qua ngân hàng với những hành vi đáng ngờ (có dấu hiệu rửa tiền); bỏ địa chỉ kinh doanh... Đây là những tiêu chí rất cụ thể để xác định doanh nghiệp nào thuộc đối tượng rủi ro cao về thuế, từ đó cơ quan thuế thông báo cho doanh nghiệp phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế ngay từ đầu, doanh nghiệp phải triển khai thực hiện để tránh những vướng mắc sau này.

- Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn cụ thể đối với những hóa đơn điện tử không có chữ ký của người mua và được liệt kê rõ ràng. Ví dụ, khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người nước ngoài, hóa đơn điện, nước... sẽ không cần chữ ký của người mua; trong nội dung hóa đơn điện tử đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt thực hiện theo từng phần, từng hạng mục công trình bàn giao; xây nhà để bán có thu tiền theo tiến độ thì không cần phải ghi cụ thể giá trị công trình hoàn thành bàn giao trên hóa đơn.

- Hướng dẫn đối với trường hợp hóa đơn điện tử có sai sót về địa chỉ, mặt hàng... nhưng không sai mã số thuế, người bán trao đổi với người mua để sửa đổi nội dung ghi trên hóa đơn, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế trên hệ thống, không phải lập lại hóa đơn điều chỉnh như quy định trước đây. Trường hợp ghi sai cả mã số thuế, thuế suất thì 2 bên cùng trao đổi và thông báo với cơ quan thuế để hủy hóa đơn, lập lại hóa đơn mới... Việc xử lý hóa đơn có sai sót đối với hóa đơn điện tử được hướng dẫn cụ thể



hơn trước đây, điều này vừa giúp giảm thiểu thủ tục hành chính, đảm bảo tính chính xác của hóa đơn, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế xử lý sai sót khi lập hóa đơn.

- Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế cũng được quy định cụ thể theo từng đối tượng rất rõ ràng như chuyển theo bản tổng hợp cùng thời điểm nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng hoặc chuyển trực tiếp...; đây là điều doanh nghiệp vẫn đang chờ hướng dẫn.

- Thời điểm người nộp thuế phải áp dụng hóa đơn điện tử cũng là nội dung mà cộng đồng doanh nghiệp rất quan tâm, theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, từ ngày 01/11/2020, tất cả các doanh nghiệp phải chuyển sang áp dụng hóa đơn điện tử, nhưng theo Luật Quản lý thuế sửa đổi bổ sung tháng 06/2019 quy định từ 01/7/2022 mới phải áp dụng hóa đơn điện tử nên một số doanh nghiệp đang đợi đến ngày 01/7/2022 mới bắt đầu áp dụng.

Thông tư số 68/2019/TT-BTC đã khẳng định lại thời hiệu, thời gian chuyển tiếp, phù hợp với Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, phù hợp với các nghị quyết của Chính phủ như đối với người nộp thuế thuộc các địa bàn có hạ tầng công nghệ thông tin tốt như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng..., đẩy nhanh áp dụng hóa đơn điện tử trước ngày 01/11/2020; các địa bàn còn lại áp dụng từ ngày 01/7/2022 theo Luật Quản lý thuế sửa đổi bổ sung.

Theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC, sau ngày 14/11/2019, các quy định khác hiện hành về hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP (gồm các Thông tư hướng dẫn thực hiện 2 Nghị định này) vẫn có hiệu lực thi hành; đến ngày 01/11/2020, tất cả văn bản quy định về hóa đơn trước đây sẽ không còn hiệu lực và phải thực hiện theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC. ■

Triển khai Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt Dự án “*Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020*”, ngay từ đầu năm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng đã xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung của Dự án năm 2019. Đồng thời, tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 225/QĐ-UBND để phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của doanh nghiệp. Trong năm 2019, việc triển khai Dự án đã đạt được những kết quả khả quan, cụ thể như sau:

Công tác thông tin tuyên truyền

Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì tổ chức hội nghị “*Triển khai mô hình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại Lâm Đồng*” với hơn 100 lượt người tham dự. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã thực hiện 2 phóng sự về triển khai Đề án truy xuất nguồn gốc hàng hóa và sản xuất nông nghiệp bền vững theo tiêu chuẩn hữu cơ; phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức hội thảo khoa học “*Ứng dụng Khoa học công nghệ Truy xuất nguồn gốc trong sản xuất - Giải pháp hướng tới nền nông nghiệp bền vững*”. Qua các hội nghị, hội thảo đã thông tin đến các tổ chức, cá nhân có liên quan về truy xuất nguồn gốc, cách thức triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh.

Công tác đào tạo, tập huấn

Chi cục đã phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức 10 lớp tập huấn về năng suất, chất lượng cho 480 lượt người tham dự với các nội dung về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018; kỹ thuật sử dụng phân bón cho cây dâu tằm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ trong nông nghiệp; hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn - HACCP; hệ thống quản lý tinh gọn Lean; đánh giá hiệu quả doanh nghiệp theo 7 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia; quản lý chất lượng toàn diện; các bước thực hiện mô hình truy xuất nguồn gốc tại doanh nghiệp. Các lớp tập huấn ngày càng nhận được sự quan tâm và tham gia của các doanh nghiệp do nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế; đồng

KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG NĂM 2019

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

thời, các học viên cũng có cơ hội được chia sẻ kiến thức về nâng cao năng suất, chất lượng từ các báo cáo viên có kinh nghiệm.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến

Đầu năm 2019, Chi cục đã rà soát và gửi phiếu đăng ký tham gia Dự án đến các doanh nghiệp; đồng thời, phối hợp với UBND các huyện, thành phố thông tin về Dự án cho các doanh nghiệp trên địa bàn. Trong năm 2019, đã thực hiện khảo sát 17 doanh nghiệp, các doanh nghiệp đều đủ điều kiện tham gia Dự án. Tổ chức xét duyệt và ký hợp đồng hỗ trợ 19 dự án của 15 doanh nghiệp (10 dự án áp dụng công cụ 5S và Layout; 9 dự án áp dụng các hệ thống quản lý như GlobalGAP, ISO 22000, HACCP, ISO 9001, tiêu chuẩn hữu cơ); trong đó, đã hỗ trợ 7 dự án của 6 doanh nghiệp với kinh phí 360 triệu đồng.

Năm 2019, Dự án nâng cao năng suất, chất lượng thực hiện triển khai nội dung mới về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhằm giúp doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng có thể thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ khâu nuôi trồng, chế biến đến quá trình vận chuyển và phân phối. Thời gian qua, Chi cục đã phối hợp với Trung tâm Mã số Mã vạch Quốc gia khảo sát 7 doanh nghiệp đăng ký tham gia truy xuất nguồn gốc, các doanh nghiệp đều quan tâm và mong muốn triển khai cho các sản phẩm của mình. Các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ 40 triệu đồng khi áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Qua kết quả triển khai Dự án nâng cao năng suất, chất lượng trong năm 2019 cho thấy, doanh nghiệp ngày càng quan tâm đến việc nâng cao năng suất, chất lượng thông qua số lượt người tham gia các lớp đào tạo, hội nghị, hội thảo; từ các kiến thức, kinh nghiệm được truyền đạt, chia sẻ từ chuyên gia, học viên tự áp dụng tại doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng ngày càng chú trọng và áp dụng các công cụ cải tiến, đặc biệt là công cụ 5S vì đây là công cụ rất hữu dụng và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Chi cục còn gặp phải một số khó khăn như: tuy đã tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức nhưng số lượng doanh nghiệp tham gia Dự án còn ít; học viên tham gia các lớp đào tạo chỉ tập trung vào một số doanh nghiệp tiêu biểu; tiến độ triển khai của một số dự án còn chậm; một số dự án ngừng triển khai do doanh nghiệp thay đổi định hướng; kinh phí hỗ trợ từ Dự án còn thấp.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng sẽ tiếp tục triển khai các nội dung của Dự án. ■

Các doanh nghiệp có nhu cầu tham gia Dự án xin liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263 3532247

Fax: 0263 3827508





HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CHO SẢN PHẨM HOA DỊP TẾT CANH TÝ 2020

Hiệp hội Hoa Đà Lạt

Ngành hoa Đà Lạt - Lâm Đồng là một trong những ngành thế mạnh chủ lực của địa phương, đóng góp một phần không nhỏ vào GDP mỗi năm của tỉnh, với diện tích hơn 8.890 ha trồng hoa, cung cấp hơn 60% sản lượng hoa cho cả nước.

Có thể thấy, với sản lượng hơn 3.358 triệu cành mỗi năm, các doanh nghiệp sản xuất và hộ nông dân cần phải liên tục mở rộng thị trường để cung không vượt cầu. Để hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ sản xuất hoa trên địa bàn mở rộng thị trường tiêu thụ cho dịp tết Canh Tý 2020, Hiệp hội Hoa Đà Lạt đã phối hợp với Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng tổ chức Chương trình xúc tiến thương mại sản phẩm hoa tại thị trường miền Trung năm 2019.

Chương trình được tổ chức từ ngày 30/10-02/11/2019 tập trung tại thị trường thành phố Đà Nẵng. Đây là thị trường rất tiềm năng, do nơi đây khí hậu, đất đai không phù hợp để trồng đa dạng các chủng loại hoa, hầu hết tiểu thương tại các chợ, shop hoa đều phải nhập hoa, lá trang trí từ nơi khác. Ngoài ra, Đà Nẵng còn là nơi tập trung các mối hoa sỉ, phân phối hoa đi các tỉnh lân cận.

Trong khuôn khổ Chương trình, với sự hỗ trợ của Sở Công thương thành phố Đà Nẵng, Đoàn xúc tiến thương mại tỉnh Lâm Đồng đã tham quan các khu vực tập trung bán hoa sỉ như Chợ hoa đường Phạm Phú Thứ, khu vực chợ Hàn, các shop hoa lớn tại Đà Nẵng để tìm hiểu thị trường bán lẻ hoa, các chủng loại hoa đang được ưa chuộng hiện nay trên thị trường...; tham quan vùng sản xuất hoa Cúc, Phong lan để tìm hiểu điều kiện canh tác tại địa phương.

Đồng thời, Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng còn phối hợp với Sở Công thương thành phố Đà Nẵng tổ chức Hội nghị tháo gỡ khó khăn, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm hoa Lâm Đồng tại thị trường thành phố Đà Nẵng. Đặc biệt, các doanh nghiệp, hộ sản xuất hoa sẽ làm việc với Ban quản lý chợ, các tiểu thương, đầu mối phân phối hoa sỉ tại Đà Nẵng và đại diện nhà xe Phương Trang, Thanh Thủy để trao đổi thông tin, giải đáp các vướng mắc, khó khăn trong quá trình vận chuyển, tiêu thụ hoa và hỗ trợ 2 bên liên kết, phân phối sản phẩm hoa Lâm Đồng.

Đây là chương trình có ý nghĩa thiết thực, hỗ trợ người sản xuất tìm hiểu thị trường hoa tại miền Trung, mở rộng thị trường, phân phối sản phẩm hoa của tỉnh Lâm Đồng.

Kết quả chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương tại thị trường miền Trung đối với sản phẩm hoa của tỉnh Lâm Đồng

Qua khảo sát cho thấy, tại chợ hoa đường Phạm Phú Thứ có khoảng 12 sạp, chợ Hàn có khoảng 11 sạp kinh doanh các loại hoa cắt cành, chủ yếu tập trung vào bán lẻ; có khoảng 10 điểm bán hoa sỉ là những cửa hàng cung cấp hoa có mối sẵn, bán hàng qua điện thoại.

Lượng hoa tiêu thụ tại mỗi sạp đạt 4-6 thùng/ngày, chủ yếu là hoa Cúc và lá trang trí. Vào các dịp lễ, tết, mỗi sạp tiêu thụ khoảng 30-70 thùng.

Các loại hoa nhập từ Đà Lạt chủ yếu là Hồng, Cúc, Cẩm chướng, Cát tường, Lay ơn, Lily, Sao tím, Cẩm tú cầu, Hướng dương, Thạch thảo, Hồ điệp,...

Thị trường Đà Nẵng nhập hoa của Đà Lạt với số lượng ổn định và giá cả được trao đổi trước. Riêng dịp lễ, tết, các tiểu thương nhập thêm hoa Hồng, Baby, Cẩm chướng, Tầm xuân, Địa lan,... của Trung Quốc.

Ngoài ra, Đoàn cũng tham quan, khảo sát thị trường hoa chậu tại đường Hà Huy Tập với 97 gian hàng tập trung kinh doanh các loại lan Hồ điệp, Thiên điều, cây cảnh trang trí. Hoa chậu nhập từ Đà Lạt chủ yếu là lan Hồ điệp; một số loại được nhập theo mùa như Đuôi chồn, Trạng nguyên, Đồng tiền,...

Đặc biệt, trong chuyến xúc tiến thương mại đợt này, Hợp tác xã Phước Lộc (tại Xuân Thành) chuyên cung cấp các loại hoa cắt cành chất lượng cao đã áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, bao bì rõ ràng... đã kết nối thành công với một số tiểu thương tại chợ Hàn, chợ Cồn, chợ Hòa Cường...

Bên cạnh hoạt động tham quan, tìm hiểu thị trường, Hội nghị tháo gỡ khó khăn, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm hoa Lâm Đồng tại thị trường thành phố Đà Nẵng cũng được tổ chức với sự tham gia



Hội nghị thảo gỡ khó khăn, hỗ trợ liên kết phân phối, tiêu thụ sản phẩm hoa Lâm Đồng tại thị trường Đà Nẵng

của các tiểu thương, đại lý, đại diện các đơn vị vận chuyển và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến ngành hoa của tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Nẵng. Tại Hội nghị, các đơn vị tham gia trao đổi các khó khăn, vướng mắc gặp phải như:

- Đối với các tiểu thương, đại lý, nhà vận chuyển: lượng hoa nhập từ Đà Lạt - Lâm Đồng chiếm 70% lượng hoa tiêu thụ tại thị trường Đà Nẵng nhưng giá thành không ổn định. Vào những dịp cao điểm, giá thành tăng cao, chưa có sự liên kết giữa các hộ nông dân nên số lượng hoa không đủ để cung cấp dẫn đến việc phải nhập thêm hoa từ Trung Quốc; khâu bảo quản sau thu hoạch không đảm bảo nên chất lượng hoa kém; giờ cấm phương tiện lưu thông tại các chợ đầu mối chưa linh động nên các tiểu thương phải mất thêm chi phí thuê xe tải nhỏ để vận chuyển vào chợ và các nhà vận chuyển phải mất chi phí thuê nhân công bốc vác khi hàng vận chuyển về không kịp giờ quy định.

- Đối với các cơ quan quản lý: việc kết nối thông tin còn hạn chế, cung - cầu không cân đối, hình thức kết nối chưa đa dạng và kịp thời. Danh sách các nhà sản xuất, số lượng, chủng loại hoa của tỉnh Lâm Đồng chưa được các cơ quan quản lý tại địa phương cung cấp kịp thời đến Ban quản lý chợ tại Đà Nẵng nên việc tăng cường kết nối giao thương gặp khó khăn. Việc bảo quản hoa sau thu hoạch của các hộ sản xuất không đảm bảo; hoa đến tay tiểu thương tại Đà Nẵng kém chất lượng dẫn đến uy tín của nhà sản xuất bị ảnh hưởng.

Đề xuất giải pháp tăng cường tiêu thụ hoa Đà Lạt tại thị trường miền Trung

Qua chuyến đi khảo sát, Hiệp hội Hoa Đà Lạt đề xuất một số giải pháp để tăng cường việc

tiêu thụ sản phẩm hoa Đà Lạt tại thị trường miền Trung như sau:

- Cải thiện chất lượng hoa thông qua việc tăng cường bảo quản sau thu hoạch.

- Tăng số lượng hoa thông qua việc liên kết với công ty, hộ nông dân... nhằm cung cấp hoa đảm bảo chất lượng và đủ số lượng cho thị trường miền Trung, đặc biệt vào các dịp lễ, tết.

- Nâng cao uy tín của các hộ sản xuất bằng cách thực hiện đúng theo các điều khoản đã ký kết; hạn chế tình trạng tăng giá đột ngột vào các dịp lễ, tết.

- Hiệp hội Hoa Đà Lạt cần quan tâm đến việc đăng tải các bài viết về cách phân biệt giữa hoa Đà Lạt và hoa Trung Quốc nhằm nâng cao giá trị hoa Đà Lạt.

- Tăng cường trao đổi thông tin giữa các hộ sản xuất, Ban quản lý chợ và Hiệp hội Hoa.

Ngoài ra, thực hiện chương trình hoạt động năm 2019, Hiệp hội Hoa Đà Lạt sẽ tổ chức Hội thảo về vụ hoa Tết Canh Tý vào tháng 12, với sự tham gia của các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất hoa; đại diện các làng hoa, nhà xe vận chuyển, các Ban quản lý chợ tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội... để trao đổi thông tin về tình hình sản xuất (diện tích sản xuất, sản lượng, chủng loại hoa trồng dịp Tết sắp tới...), đưa ra các dự báo, dự đoán về tình hình tiêu thụ dịp Tết, đề xuất các giải pháp hạn chế tình trạng được mùa mất giá, kẹt xe, hoa không đến được nơi tiêu thụ như những dịp Tết vừa qua...

Festival Hoa Đà Lạt lần thứ VIII - năm 2019 diễn ra vào cuối tháng 12/2019 cũng là dịp để các doanh nghiệp sản xuất hoa trên địa bàn quảng bá sản phẩm, kết nối giao thương... Ngoài việc tổ chức Chương trình Không gian hoa xung quanh Hồ Xuân Hương, Hiệp hội Hoa còn phối hợp với các đơn vị tổ chức chương trình quảng bá sản phẩm ngành hoa như Hội thảo về hoa Cát tường giống mới trồng tại Đà Lạt (Hiệp hội phối hợp với Công ty TNHH Sakata Việt Nam tổ chức); tổ chức trưng bày giới thiệu các chủng loại hoa Lily mới tại Đà Lạt nở xòe toàn bộ trên cánh đồng hoa (Hiệp hội phối hợp với Công ty TNHH Hoa Chi An tổ chức).

Với những chương trình trên, Hiệp hội Hoa luôn mong muốn các doanh nghiệp, hộ sản xuất hoa trên địa bàn tìm hiểu thông tin, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ để phát triển ngành hoa Đà Lạt - Lâm Đồng ngày càng vững mạnh. ■



HỖ TRỢ CÁC CHUỖI LIÊN KẾT SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT NHẪM THÚC ĐẨY SẢN XUẤT - KINH DOANH SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG

ThS. NGUYỄN ĐÌNH THIỆN

Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt

Thành phố Đà Lạt nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của độ cao nên có khí hậu của vùng ôn đới. Nhờ sự ưu đãi của thiên nhiên cùng khí hậu mát mẻ quanh năm nên Đà Lạt có nhiều thuận lợi để sản xuất các chủng loại nông sản đặc trưng và riêng biệt như rau, hoa, Actiso, hồng ăn trái, dâu tây... Đà Lạt hiện có 10.500 ha đất sản xuất nông nghiệp; trong đó, có hơn 5.000 ha đất canh tác rau, hoa các loại. Cơ cấu các nhóm cây trồng được phân bổ với 44,27% rau, hoa ôn đới; 48,9% cây công nghiệp; 3,94% cây ăn quả; 2,89% các loại cây trồng khác.

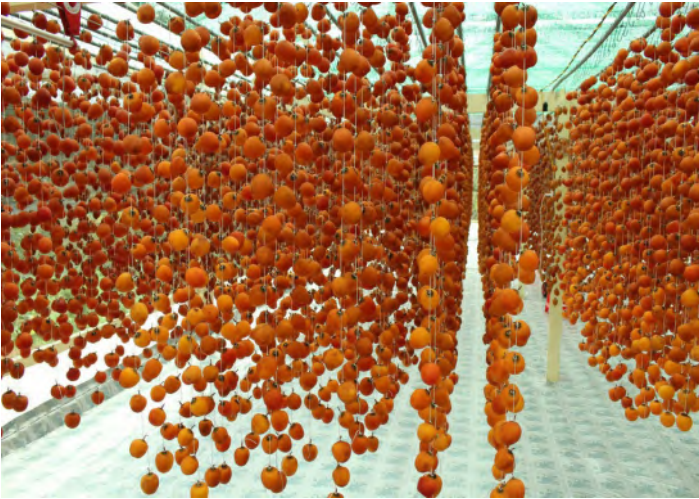
Nền kinh tế của thành phố Đà Lạt phát triển theo cơ cấu du lịch, dịch vụ - công nghiệp, xây dựng - nông, lâm nghiệp. Trong đó, tỷ trọng kinh tế nông - lâm nghiệp chiếm khoảng 10,5%. Hoạt động kinh tế nông nghiệp thu hút 31,66% lực lượng lao động xã hội trên địa bàn. Sản xuất nông nghiệp của thành phố Đà Lạt chủ yếu là ngành trồng trọt (chiếm 75-80% tỷ trọng ngành nông nghiệp), phát triển theo hướng tăng vụ, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời là trung tâm sản xuất các loại rau, hoa, quả ôn đới đặc thù của cả nước.

Nông nghiệp Đà Lạt đã được hình thành từ lâu và phát triển mạnh trong những năm gần đây. Việc phát triển nông nghiệp tại Đà Lạt đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho bà con nông dân, giải quyết việc làm cho phần lớn lao động trong và ngoài tỉnh, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng về kinh tế chung của tỉnh trong thời gian qua. Hơn 10 năm trở lại đây, người sản xuất tại Đà Lạt đã ứng dụng các kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp như: công nghệ sinh học, nhân giống cây trồng; ứng dụng các thiết bị công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản... nhằm tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường và thị hiếu người tiêu dùng. Trong thời gian gần đây, vấn đề về sinh an toàn thực phẩm luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, ngành, địa phương; việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn thực phẩm cũng được người sản xuất, tiêu dùng hướng đến, góp phần gia tăng giá trị sản xuất.

Xuất phát từ thực tế trên, trong thời gian qua, Trung ương, các bộ, ban, ngành và chính quyền

tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trong vấn đề liên kết chuỗi sản phẩm như Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về *Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*; Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về *Một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*; Quyết định số 354/QĐ-BNN-QLCL ngày 04/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt *Kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc”*; Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về *Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng 2025*; Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định về *nội dung, danh mục và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*; Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành *Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020*; Văn bản số 4771/UBND-NN ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc *Triển khai thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*; Văn bản số 3826/UBND-NN ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc *Thống nhất danh mục các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020*;...

Sau khi có các văn bản chỉ đạo, UBND thành phố Đà Lạt đã giao phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt tham mưu chính trong quá trình thực hiện các cơ chế, chính sách để thực hiện việc liên kết sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm hỗ trợ đến các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thực hiện



có hiệu quả và bền vững nhất. Kết quả triển khai như sau:

Năm 2018, thành phố đã hỗ trợ xây dựng 3 chuỗi giá trị với tổng kinh phí là 1,376 tỷ đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 700 triệu đồng; hợp tác xã đối ứng 676,4 triệu đồng), cụ thể:

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm hồng sấy trên địa bàn xã Xuân Trường và Trạm Hành (Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đất làng Cầu Đất - Xuân Trường; Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Trường Sơn - Cầu Đất - xã Xuân Trường; Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Trường Gia Phát - Phát Chi, xã Trạm Hành).

- Địa điểm thực hiện: xã Xuân Trường và Trạm Hành.

- Đơn vị chủ trì: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đất làng Cầu Đất.

- Số hộ thành viên của hợp tác xã: 91 hộ với diện tích 120 ha, sản lượng 38 tấn hồng khô/năm.

- Tổng kinh phí thực hiện: 884,72 triệu đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 443,86 triệu đồng; nhân dân 440,86 triệu đồng)

- Hạ mục hỗ trợ: 9 máy sấy nông sản và 3 kho lạnh.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm rau, hoa - Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Phước Lộc, xã Xuân Thọ.

- Địa điểm thực hiện: xã Xuân Thọ.

- Đơn vị chủ trì: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Phước Lộc.

- Số hộ thành viên của hợp tác xã: 18 hộ với diện tích 14 ha; sản lượng 3,6 triệu cành hoa và 1.380 tấn rau mỗi năm.

- Tổng kinh phí thực hiện: 356,364 triệu đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 179,682 triệu đồng; nhân dân 176,682 triệu đồng).

- Hạ mục hỗ trợ: 3 kho lạnh.

3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm rau, hoa, khoai lang sấy - Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Thành Đạt, xã Tà Nung.

- Địa điểm thực hiện: xã Tà Nung.

- Đơn vị chủ trì: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Thành Đạt.

- Số hộ thành viên của hợp tác xã: 10 hộ với diện tích 18 ha, sản lượng 1 triệu cành hoa, 720 tấn rau, 50 tấn khoai lang mỗi năm.

- Tổng kinh phí thực hiện: 120,788 triệu đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 61,894 triệu đồng; nhân dân 58,894 triệu đồng).

- Hạ mục hỗ trợ: 1 kho lạnh.

Đến năm 2019, Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt đã tham mưu UBND thành phố tiếp tục hỗ trợ xây dựng 3 chuỗi giá trị từ năm 2018, phê duyệt Kế hoạch bổ sung giai đoạn 2019-2020 với tổng kinh phí hỗ trợ là 584,58 triệu đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 399,756 triệu đồng; hợp tác xã đối ứng 184,824 triệu đồng), cụ thể:

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm hồng sấy trên địa bàn xã Xuân Trường và Trạm Hành.

- Tổng kinh phí thực hiện: 288,332 triệu đồng (trong đó nhà nước 201,832 triệu đồng; hợp tác xã đối ứng 86,499 triệu đồng), cụ thể:

+ Chi phí hỗ trợ tem truy xuất: 44,407 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 31,084 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đóng góp 13,322 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ bao bì: 188,925 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 132,247 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đóng góp 56,677 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ nhãn: 55 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 38,5 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đóng góp 16,5 triệu đồng).

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm rau, hoa - Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Phước Lộc, xã Xuân Thọ.

- Tổng kinh phí thực hiện: 220,411 triệu đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 149,217 triệu đồng; hợp tác xã đối ứng 71,193 triệu đồng), trong đó:

+ Chi phí hỗ trợ tem truy xuất: 12,111 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 8,477 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đối ứng 3,633 triệu đồng).



+ Chi phí hỗ trợ bao bì: 191,4 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 133,98 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đối ứng 57,42 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ áp dụng theo tiêu chuẩn VietGAP: 16,9 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 6,76 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đối ứng 10,14 triệu đồng).

3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm rau, hoa, khoai lang sấy - Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Thành Đạt, xã Tà Nung.

- Tổng kinh phí thực hiện: 75,837 triệu đồng (trong đó, nhà nước hỗ trợ 48,705 triệu đồng; nhân dân 27,131 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ tem truy xuất: 4,037 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 2,826 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đối ứng 1,211 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ bao bì: 48,950 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 34,265 triệu đồng; hợp tác xã tham gia đối ứng 14,685 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ giống: 8,250 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 5,775 triệu đồng, hợp tác xã tham gia đối ứng 2,475 triệu đồng).

+ Chi phí hỗ trợ áp dụng theo tiêu chuẩn VietGAP: 14,6 triệu đồng (nhà nước hỗ trợ 5,840 triệu đồng, hợp tác xã tham gia đối ứng 8,760 triệu đồng).

Qua quá trình triển khai thực hiện công tác hỗ trợ các chuỗi liên kết sản xuất trên địa bàn thành phố Đà Lạt trong thời gian qua, chương trình hỗ trợ cũng có những thuận lợi và khó khăn.

Thuận lợi

Được thiên nhiên ưu đãi về điều kiện khí hậu, đất đai để sản xuất sản phẩm rau, hoa có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, đa dạng về chủng loại ở tất cả các mùa vụ trong năm. Sản phẩm đã tiếp cận được thị trường xuất khẩu và đóng vai trò rất quan trọng trong việc thay đổi phương thức canh tác của người dân nhằm mang lại các sản phẩm có năng suất, chất lượng và giá trị cao hơn.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã rất chú trọng áp dụng các thành tựu về khoa học kỹ thuật vào sản xuất rau; hiện đã thực hiện khá thành công về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đa dạng hóa về giống, chất lượng sản phẩm được nâng cao.

Có sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế như Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Vương quốc Bỉ, Hàn Quốc; các chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp bền vững, sản xuất nông sản theo các tiêu chuẩn, chứng nhận tiên tiến. Nhiều cơ quan Trung ương hỗ trợ chuyển

giao khoa học kỹ thuật, kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi...

Khó khăn

Đa số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến rau, củ, quả còn ở quy mô nhỏ lẻ; một số nơi vẫn sản xuất mang tính truyền thống, chưa bảo đảm các điều kiện về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc tiếp cận với thông tin khoa học cũng như đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn.

Nhiều nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã còn thiếu vốn để đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; việc áp dụng công nghệ chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, gây khó khăn cho công tác tổ chức sản xuất - tiêu thụ, giảm sức thu hút.

Kinh phí của các hợp tác xã còn hạn chế, thiếu đất sản xuất nên rất khó khăn trong việc xây dựng nhà xưởng sơ chế cũng như bổ sung một số trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm; chưa hình thành nhiều mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

Hội đồng quản trị của các hợp tác xã còn hạn chế về trình độ, tầm nhìn chiến lược. Ý thức của các thành viên tham gia chuỗi giá trị chưa cao để đưa ra những sản phẩm đồng nhất về chất lượng.

Trong thời gian tới, việc phát triển, mở rộng sản xuất; quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; nâng cao thu nhập cho người dân nhằm tạo ra sản phẩm nông sản chất lượng cao với số lượng lớn là vấn đề đang được các doanh nghiệp và hộ nông dân quan tâm triển khai thực hiện thông qua các mô hình hợp tác xã để tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản.

Việc thiết lập và kết nối cung - cầu giữa người sản xuất và tiêu dùng để tìm đầu ra cho nông sản là điểm mấu chốt góp phần mở rộng phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; trong đó, mô hình chuỗi cung ứng sản phẩm rau, quả an toàn trong thời gian qua được xem là một giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Phần đầu thực hiện tốt mục tiêu hình thành chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ giúp gia tăng giá trị sản phẩm, phát huy uy tín thương hiệu rau, quả của Lâm Đồng, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Thông qua việc gia tăng giá trị sản phẩm để tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người trồng, sản xuất về ý nghĩa, lợi ích mang lại khi thực hiện đầy đủ các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất. ■



CÔNG TÁC HỖ TRỢ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÀNG ĐẶC SẢN ĐÀ LẠT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ QUẢN LÝ, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC CÁC MẶT HÀNG ĐẶC SẢN ĐÀ LẠT"

NGŨ THANH SƠN

Phòng Quản lý thương mại - Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, truy xuất nguồn gốc các mặt hàng đặc sản Đà Lạt” theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Công thương là cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án theo từng giai đoạn. Cụ thể:

Từ năm 2018-2020 với kinh phí thực hiện là 297 triệu đồng từ ngân sách nhà nước, trong đó:

- Năm 2019: triển khai thực hiện hỗ trợ 100 cơ sở sản xuất, kinh doanh mặt hàng đặc sản Đà Lạt. Trong đó, hỗ trợ đăng ký mã số, mã vạch (MSMV) và phí 1 năm sử dụng MSMV cho 82 cơ sở; hỗ trợ phí 1 năm sử dụng MSMV cho 18 cơ sở đã có MSMV. Kinh phí thực hiện 211,7 triệu đồng.

- Năm 2020: tiếp tục hỗ trợ phí 1 năm sử dụng MSMV cho 100 cơ sở sản xuất, kinh doanh mặt hàng đặc sản Đà Lạt tham gia thực hiện Đề án. Kinh phí thực hiện 85,3 triệu đồng.

Theo đó, tiến độ thực hiện Đề án trong năm 2019 sẽ triển khai một số nội dung sau:

- Tháng 7-8: điều tra, khảo sát tình hình sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản trên địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận (các huyện Lạc Dương, Đơn Dương và một phần huyện Lâm Hà gồm thị trấn Nam Ban và các xã Mê Linh, Đông Thanh, Gia Lâm, Nam Hà).

- Tháng 9: tổ chức hội nghị cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt để phổ biến quyền và nghĩa vụ của các cơ sở khi tham gia Đề án; đồng thời hướng dẫn cho các cơ sở làm thủ tục đăng ký MSMV.

- Tháng 10: phối hợp với cơ quan có thẩm quyền về cấp MSMV để hỗ trợ chi phí cấp MSMV.

- Tháng 11: tổ chức hội nghị phổ biến các kiến thức cơ bản về MSMV, hướng dẫn áp dụng để truy xuất nguồn gốc và sử dụng MSMV cho các

cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt.

- Tháng 12: thực hiện phóng sự tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng về Đề án thông qua việc áp dụng MSMV trên sản phẩm.

Hiện nay, theo kế hoạch, Sở Công thương đã phối hợp với Cục Quản lý thị trường, Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Ban Quản lý chợ Đà Lạt tiến hành điều tra, khảo sát 100 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt tại chợ Đà Lạt và các khu điểm du lịch trên địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận. Qua khảo sát, Sở Công thương đã tổng hợp được khoảng 60 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt chưa có MSMV và đủ điều kiện để tham gia, nhận hỗ trợ từ Đề án; 11 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt đã có MSMV đồng ý tham gia và nhận hỗ trợ từ Đề án.

Ngày 13/9/2019, Sở Công thương đã tổ chức Hội nghị phổ biến quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, chế biến hàng đặc sản Đà Lạt khi tham gia Đề án; đồng thời hướng dẫn hồ sơ thủ tục đăng ký MSMV để hỗ trợ đăng ký MSMV cho các đối tượng này.

Trong thời gian tới, Sở Công thương sẽ phối hợp với Trung tâm MSMV Quốc gia thuộc Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam để cấp Giấy chứng nhận đăng ký MSMV cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt; mức hỗ trợ đăng ký MSMV: 1 triệu đồng/cơ sở và hỗ trợ phí 1 năm duy trì MSMV: 800.000 đồng/cơ sở. Sau khi các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký MSMV, Sở Công thương sẽ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng tổ chức Hội nghị phổ biến các kiến thức cơ bản về MSMV, hướng dẫn áp dụng để truy xuất nguồn gốc và sử dụng MSMV cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản. ■



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KẾT NỐI NGÂN HÀNG - DOANH NGHIỆP NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về *Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã xây dựng nhiều Chương trình hành động, triển khai quyết liệt các giải pháp góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp. Trong đó, Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp là một trong những chương trình góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn để tập trung vào sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Năm 2019, tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 08/01/2019 của NHNN Việt Nam về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2019, Thống đốc NHNN đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng tích cực phối hợp với NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố triển khai hiệu quả, thiết thực Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay. Kết luận tại Hội nghị trực tuyến đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong ngành ngân hàng, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số tiếp cận tín dụng, tiếp tục triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về *Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021*, Phó Thống đốc NHNN Đào Minh Tú đã chỉ đạo NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố chủ động và thường xuyên triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về vốn cho doanh nghiệp; các tổ chức tín dụng tiếp tục cải tiến, đổi mới quy trình cho vay tập trung vào việc rà soát, sửa đổi các mẫu biểu, hợp đồng, hồ sơ, thủ tục xử lý nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý khoản vay để tiết kiệm chi phí, giảm lãi suất cho khách hàng,...

Tại địa phương, thực hiện chủ trương này, năm 2019, ngành ngân hàng tỉnh Lâm Đồng luôn đồng hành cùng với doanh nghiệp, đẩy mạnh

thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong tiếp cận vốn tín dụng, cụ thể:

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Trong Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành ngân hàng tỉnh Lâm Đồng năm 2019, NHNN chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã quán triệt đến các tổ chức tín dụng trên địa bàn về Chỉ thị số 01/CT-NHNN; trong đó, chú trọng đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, có biện pháp thu hút nguồn vốn huy động nhân rộng trong nhân dân để tăng nguồn vốn huy động kỳ hạn trên 12 tháng trong tổng nguồn vốn huy động, tránh rủi ro về kỳ hạn và đáp ứng tốt hơn các nhu cầu vốn cho sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các thành phần kinh tế.

- Ban hành văn bản chỉ đạo đến các tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp năm 2019, trong đó chú trọng thực hiện các chỉ đạo của Phó Thống đốc Đào Minh Tú.

Các tổ chức tín dụng công khai, minh bạch các thủ tục, gói hỗ trợ, lãi suất tín dụng, chương trình tín dụng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng. Trong quý 3/2019, NHNN chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã tập hợp và có văn bản đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng phối hợp thông tin, tuyên truyền các chương trình tín dụng, gói tín dụng của các chi nhánh ngân hàng thương mại đang áp dụng cho đối tượng khách hàng là doanh nghiệp đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên cập nhật, bổ sung hạ tầng công nghệ, phương tiện, dịch vụ do Hội sở cung cấp; rà soát, cải tiến, đơn giản các thủ tục, nâng cao khả năng thẩm định, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay.

Kết quả thực hiện chương trình

Thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng trên địa



bàn tỉnh đã chủ động tiếp cận các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để xem xét, thẩm định cho vay vốn tín dụng ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp theo quy định và giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn duy trì, phục hồi và tiếp tục mở rộng sản xuất - kinh doanh, giảm bớt khó khăn về vốn và chi phí lãi vay, từ đó giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực tài chính, cạnh tranh của doanh nghiệp. Chương trình cũng đã góp phần hỗ trợ ngân hàng đưa vốn vào sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng, nâng cao tính chủ động chia sẻ khó khăn với cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn, cụ thể:

- Doanh số cho vay lũy kế 6 tháng đầu năm (gồm cho vay mới, cơ cấu lại thời hạn, giảm lãi suất,...) đạt 5.787 tỷ đồng, với 803 doanh nghiệp được tiếp cận vốn vay, đạt 109% số tiền cam kết cho vay (do một số hợp đồng vay theo hạn mức tín dụng doanh nghiệp được giải ngân nhiều lần trên cùng một hợp đồng nên doanh số cho vay lớn hơn số tiền cam kết cho vay). Dư nợ chương trình đến 30/6/2019 đạt 6.058 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

- Lãi suất áp dụng cho các doanh nghiệp tham gia vào Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp vẫn duy trì ở mức cho vay ngắn hạn phổ biến không quá 7%/năm; vay trung và dài hạn không quá 9%/năm.

Định hướng trong thời gian tới

Trong thời gian tới, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được NHNN chi nhánh tỉnh Lâm Đồng quan tâm, chú trọng và chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực triển khai các chương trình, sản phẩm tín dụng hỗ trợ doanh

nh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, gia tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Duy trì hoạt động phối hợp với các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương nhằm tuyên truyền có hiệu quả các chính sách của Đảng và nhà nước về hỗ trợ tín dụng đối với các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn; tham gia các hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp nhằm kịp thời nắm bắt, tìm hướng giải quyết và chia sẻ khó khăn với các doanh nghiệp.

Thực hiện đúng chức năng của NHNN chi nhánh trong công tác quản lý ngoại hối; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật trong đăng ký, thay đổi khoản vay nước ngoài; hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ; hoạt động đại lý đổi ngoại tệ; giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài... các thủ tục hành chính tại NHNN chi nhánh tỉnh Lâm Đồng luôn được giải quyết trước hạn hoặc đúng hạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn đẩy mạnh thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trong những năm tiếp theo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận được vốn tín dụng bằng các biện pháp, giải pháp cụ thể, thiết thực và hiệu quả.

Các chi nhánh ngân hàng thương mại duy trì thường xuyên việc báo cáo các chương trình, gói tín dụng nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng; chủ động tiếp cận doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn; kịp thời nắm bắt và giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình vay vốn.

Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cũng như các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, sản phẩm phòng ngừa rủi ro lãi suất và tỷ giá nhằm giúp doanh nghiệp chủ động về vốn, tăng cường khả năng phòng ngừa rủi ro.

Tiếp tục rà soát quy trình, thủ tục giải quyết cho doanh nghiệp và khách hàng vay vốn để đề xuất, kiến nghị ngân hàng thương mại cấp trên cải tiến quy trình, thủ tục cho vay theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết, tinh giảm những thủ tục không cần thiết trên cơ sở đảm bảo thực hiện đúng các quy định về cho vay của NHNN. ■



TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN

KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: hạt điều thô.

Thông báo số: G/TBT/N/KEN/917, ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Mô tả nội dung: dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt điều thô có vỏ được thu hoạch từ cây điều (*Anacardium occidentale*, Linnaeus) để xử lý trước khi chế biến và tiêu thụ.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn của con người; yêu cầu chất lượng.

Thời gian góp ý: đến ngày 18/01/2020.

Thời gian dự kiến áp dụng: 3/2020.

Thời gian dự kiến có hiệu lực: khi có tuyên bố bắt buộc của Bộ trưởng Nội các có liên quan.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Kenya.

Địa chỉ: hộp 54974-00200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: + (254) 020 605490, 605506/6948258.

Fax: + (254) 020 609660/609665.

Email: info@kebs.org.

Website: <http://www.kebs.org>.

TANZANIA

Sản phẩm điều chỉnh: hạt điều rang.

Thông báo số: G/TBT/N/TZA/344, ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Mô tả nội dung: dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt điều rang từ hạt của cây điều (*Anacardium occidentale*, L) dành cho tiêu dùng của con người.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: cung cấp thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn của con người; yêu cầu chất lượng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến áp dụng: 4/2020.

Thời gian dự kiến có hiệu lực: sau khi có tuyên bố chính thức bắt buộc áp dụng của Bộ trưởng Bộ Công thương, Đầu tư.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Tanzania MOROGORO.

Địa chỉ: PO BOX 9524, đường Sam Nujoma, Ubungu.

Điện thoại: +255 222450206.

Email: info@tbs.go.tz.

Website: www.tbs.go.tz.



CÔNG NGHỆ MỚI, SẢN PHẨM MỚI

THIẾT BỊ CHỈ THỊ VÀ CẢNH BÁO SỰ CỐ TRÊN LƯỚI ĐIỆN TRUNG ÁP

Thiết bị chỉ thị và cảnh báo sự cố trên lưới điện trung áp là sản phẩm của dự án “Chế tạo thiết bị chỉ thị và cảnh báo sự cố trên lưới điện trung áp” do Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà chủ trì thực hiện. Dự án đã được nghiệm thu đạt loại xuất sắc vào tháng 6/2019.

Thiết bị được sản xuất với nhiều tính năng sáng tạo và hữu ích như vừa chỉ thị sự cố bằng đèn, vừa gửi tin nhắn cảnh báo (SMS) đến bộ phận quản lý mà không cần thông qua thiết bị trung gian là các bộ thu phát hoặc truyền tin; cung cấp công cụ chỉ đường từ vị trí của nhân viên vận hành đến khu vực bị sự cố trên bản đồ số của hệ thống quản lý, giúp nhân viên vận hành có thể tiếp cận khu vực bị sự cố một cách chính xác, nhanh chóng khoanh vùng và cô lập khu vực bị sự cố, từ đó rút ngắn thời gian xử lý sự cố và nâng cao năng suất lao động của các đơn vị quản lý, vận hành lưới điện... Thiết bị được sản xuất hoàn toàn trong nước nên giúp các đơn vị điện lực giảm chi phí bảo hành, sửa chữa, nâng cấp so với thiết bị nhập ngoại. Giá thành thiết bị chỉ bằng 30-50% so với thiết bị nhập ngoại.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: **ThS. Nguyễn Thanh Lâm - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà**. Số 11 Lý Thánh Tôn, Nha Trang, Khánh Hòa; Điện thoại: 0963478479.



SẢN XUẤT THÀNH CÔNG THUỐC PEGFILGRASTIM PHỐI HỢP ĐIỀU TRỊ UNG THƯ

Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen đã nghiên cứu, sản xuất thành công thuốc Pegfilgrastim phối hợp điều trị ung thư. Đây là kết quả của dự án “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất thuốc Peginterferon lambda 1, Pegfilgrastim đạt tiêu chuẩn châu Âu” thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

Được triển khai từ tháng 4/2014 đến tháng 4/2019 với mục tiêu nghiên cứu và sản xuất thành công Pegfilgrastim dùng trong điều trị giảm bạch cầu, Peginterferon lambda 1 dùng trong điều trị viêm gan B, C. Dự án đã hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất Peglamda 120/180/240 mcg đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Dược điển châu Âu, quy mô 30.000 bơm tiêm/lô; hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất Peglamda 6 mg đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Dược điển châu Âu, quy mô 2.500 bơm tiêm/lô; đồng thời, sản xuất và thương mại hóa thành công các sản phẩm.

Sản phẩm Peglamda (Peginterferon lamda 1) đã được ứng dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, sản phẩm Pegcyte (Pegfilgrastim) đã được sử dụng tại Bệnh viện K và một số bệnh viện khác.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: **Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học dược Nanogen**. Tầng 8, 29 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Điện thoại: 024.39388600; Fax: 024.39388601.

GIỐNG NGỔNG XÁM

Mới đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành quyết định công nhận giống ngỗng xám do các nhà khoa học thuộc Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên tuyển chọn là giống vật nuôi mới.

Giống ngỗng xám có sức sống tốt, sử dụng nguồn thức ăn đơn giản (cỏ, thóc hay thức ăn công nghiệp), lông màu xám; mỏ và chân màu hồng. Ngỗng mái đẻ lúc 28-32 tuần tuổi, khối lượng cơ thể đạt 6,5-6,8 kg/con, năng suất trứng đạt 55-60 quả/mái/năm, khối lượng trứng 145-160 g/quả. Ngỗng thương phẩm đạt khối lượng 6,5-7,5 kg/con ở 16 tuần tuổi; tiêu tốn 3,7 kg thức ăn/kg tăng khối lượng. Giống ngỗng này có thể nuôi theo hình thức bán chăn thả hoặc chuồng kín đều thích nghi tốt. Thịt ngỗng thơm ngon, đậm, mềm, được người tiêu dùng ưa chuộng.



Thông tin chi tiết xin liên hệ: **TS. Nguyễn Văn Duy - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên**. Xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội; Điện thoại: 024.33854391.



NGÀY HỘI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Với mục đích thúc đẩy liên kết các thành phần của Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo vùng (doanh nghiệp khởi nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp,...) với Hệ sinh thái quốc gia và quốc tế; tạo dựng và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp sáng tạo của các bạn trẻ tại địa phương, ngày 31/10/2019, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã phối hợp với UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ (Techfest vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ) tại thành phố Đà Lạt.

Đến nay, khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ đã hình thành và phát triển các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của nhà nước và tư nhân, các không gian làm việc chung về khởi nghiệp của các tỉnh như Quảng Nam, Đắk Lắk, Bình Định... với nhiều hoạt động kết nối nguồn lực đầu tư khởi nghiệp cũng như đào tạo.

Điển hình như thành phố Đà Nẵng với nhiều cuộc thi khởi nghiệp mang dấu ấn như: cuộc thi “Ươm mầm ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp”, cuộc thi DaNang Startup Ruway... với sự tham gia, hỗ trợ, đồng hành tích cực của rất nhiều chuyên gia trong và ngoài nước.

Tỉnh Phú Yên đã tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần Trung tâm Ươm tạo khởi nghiệp sông Hàn, Trung tâm Ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp KH&CN - Viện Ứng dụng công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN thành phố Hồ Chí Minh (Sihub) nhằm triển khai xây dựng, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo địa phương, tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ. Nhiều tỉnh trong vùng đã hình thành quỹ hỗ trợ khởi nghiệp như Quảng Nam, Kon Tum... và trường Cao đẳng Cộng đồng - phân hiệu Đại học Đà Nẵng đã đưa chương trình môn học Khởi nghiệp vào các chương trình giảng dạy của trường.

Để tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phong trào khởi nghiệp quốc gia, thực hiện chủ trương của Chính phủ về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ngày 18/4/2017, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND phê duyệt Đề án hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Đề án 740 là cơ chế khung để hỗ trợ cho các cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu có hơn 10.000 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động vào năm 2020, trong đó có nhiều

doanh nghiệp hình thành từ mô hình khởi nghiệp. UBND tỉnh Lâm Đồng cũng đã ban hành Kế hoạch 6324/KH-UBND về kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đến năm 2020. Nhằm kịp thời hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, tỉnh Lâm Đồng cũng đã ban hành Đề án hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025 theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 22/3/2019.

Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Kế hoạch, hệ sinh thái khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã có những bước phát triển tích cực, bước đầu đã hình thành các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, các câu lạc bộ khởi nghiệp, vườn ươm khởi nghiệp, không gian làm việc chung. Các chương trình ươm tạo, kết nối cố vấn, đầu tư, các cuộc thi khởi nghiệp của tỉnh, các chương trình đào tạo, tập huấn để nâng cao năng lực cho các dự án khởi nghiệp, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đã được tỉnh triển khai hàng năm truyền cảm hứng, lan tỏa tinh thần khởi nghiệp và nâng cao năng lực xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững.

Năm 2018, thông qua các cuộc thi như Ý tưởng và mô hình khởi nghiệp sáng tạo thanh niên nông thôn tỉnh Lâm Đồng, Phụ nữ khởi nghiệp, Sinh viên khởi nghiệp sáng tạo, tỉnh Lâm Đồng đã có 299 ý tưởng tham gia dự thi và 31 ý tưởng được chọn trao giải nhất, nhì. Trong đó, có 17 ý tưởng khởi nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt.

Năm 2019, có 4 cuộc thi khởi nghiệp đã được phát động tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn Lâm Đồng, Trường Đại học Đà Lạt, Đại học Yersin Đà Lạt, các trường cao đẳng. Qua đó, đã giới thiệu 12 dự án tham gia vòng sơ khảo Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ.

Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ

Cuộc thi đã thu hút 27 dự án khởi nghiệp trong vùng tham gia. Qua tuyển chọn vòng loại, Ban giám khảo đã chọn 13 dự án của các địa phương tham gia chung kết cuộc thi. Các thành viên của các dự án đã thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, dự án và trả lời câu hỏi của ban giám khảo và được đánh giá dựa trên các tiêu chí như có tính sáng tạo; giải quyết vấn đề xã hội; tính khả thi, tiềm năng thương mại hóa trên thị trường; mô hình kinh doanh có thể chứng minh hiệu quả tài chính; khả năng nhân rộng của mô hình và năng lực đội thi.



Xuất phát từ thực tế, Đà Lạt với lợi thế khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp nên thu hút rất đông khách du lịch từ mọi miền đất nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, Bungalow (nhà gỗ) ở Đà Lạt đang là một loại hình trải nghiệm rất thú vị dành cho du khách và đang dần trở thành xu hướng. Hiện Đà Lạt là nơi có số lượng Bungalow lớn nhất cả nước. Nắm bắt được nhu cầu đó, dự án “Nhà gỗ lắp ghép và đồ nội thất thông minh” của Công ty TNHH Kết nối nghệ thuật 24 (Lâm Đồng) được hình thành để giúp việc thi công, lắp đặt nhanh hơn, tiết kiệm chi phí, cơ động trong việc tháo rời và di chuyển được. Dự án đã đạt giải Nhất của Cuộc thi.

Giải Nhì của Cuộc thi được trao cho dự án “Giải pháp vận tải thông minh Shipway” của Công ty TNHH MTV Phát triển và Đầu tư Đại Hùng (Quảng Ngãi). Dự án giải quyết được vấn đề bất cập là cùng một thời điểm người có hàng hóa không có được xe, người có xe lại không có hàng hóa, Shipway sẽ giúp 2 bên kết nối với nhau để tìm kiếm hàng hóa và xe một cách nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả, tiết kiệm hơn 30% chi phí, không chiếm dụng vốn.

Giải Ba cho các dự án “Xử lý nước uống bền vững từ nguồn nước bị nhiễm mặn bằng công nghệ năng lượng mặt trời - VMD” (Lâm Đồng); “Máy in 3D giá rẻ” (Kon Tum); “Xe đẩy thu nhặt quả điều, gom lá cây trong vườn” (Gia Lai).

Các dự án đạt giải Nhất và Nhì được chọn đại diện cho Vùng tham gia Chung kết Cuộc thi Techfest 2019 toàn quốc và được hỗ trợ tham gia trưng bày, triển lãm sản phẩm tại Techfest 2019 toàn quốc.

Hội thảo kết nối đầu tư giữa startup với doanh nghiệp, nhà đầu tư vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ

Trong khuôn khổ Techfest vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ; Hội thảo đã thu hút 15 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tham gia kết nối theo hình thức 1-1 với 21 lượt kết nối giữa 8 nhà đầu tư, quỹ và tổ chức hỗ trợ với 14 startup, dự án trong vùng. Kết thúc sự kiện, có 6 đơn đặt hàng mua sản phẩm và 2 thỏa thuận kết nối để hỗ trợ phát triển thị trường với 70.000 USD đầu tư cho startup khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ. Mức độ

tiềm năng của startup được đánh giá trung bình ở mức 3.4/5 (so với 4.2/5 tại Techfest Quốc gia năm 2018).

Hoạt động triển lãm và giới thiệu sản phẩm, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Được diễn ra vào ngày 31/10/2019, triển lãm đã thu hút sự tham gia của 32 gian hàng đến từ các startup, các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và khoảng 1.500 người tham dự. Thông qua hoạt động triển lãm, các dự án khởi nghiệp tiềm năng, các sản phẩm dịch vụ, mô hình kinh doanh được giới thiệu rộng rãi đến cộng đồng để kêu gọi đầu tư và nhận được sự quan tâm của đông đảo công chúng. Các dự án tham gia triển lãm thuộc các lĩnh vực như du lịch, công nghệ, nội thất, nông nghiệp, thực phẩm...

Đánh giá chung

Năm 2019 là năm đầu tiên Techfest vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ được tổ chức thành công tại tỉnh Lâm Đồng - là một hoạt động nằm trong chuỗi sự kiện hướng đến Techfest Quốc gia diễn ra vào tháng 12/2019 tại Quảng Ninh. Sự kiện góp phần tăng tính liên kết trong việc xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng trong cả nước. Đây là dịp để quảng bá các sản phẩm, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các startup trong vùng; tôn vinh các tổ chức, cá nhân thành công trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng; tạo sân chơi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp có mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh, cung cấp những địa chỉ tin cậy để kết nối thông tin trong mạng lưới khởi nghiệp của cả nước.

Các dự án tham dự vòng chung kết Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ được đánh giá có hàm lượng khoa học và công nghệ cao; thành phần tham gia đa dạng từ trường đại học, viện nghiên cứu đến người dân...

Hoạt động triển lãm và giới thiệu sản phẩm, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là nơi hội tụ, kết nối cộng đồng doanh nghiệp và là cơ hội để các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giới thiệu sản phẩm, dịch vụ cho các nhà đầu tư, khách hàng, thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân.

Hoạt động kết nối đầu tư giữa startup với doanh nghiệp, nhà đầu tư vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Thông qua hoạt động kết nối đầu tư giữa doanh nghiệp và startup, các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã hướng dẫn, hỗ trợ nhằm đưa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp có tiềm năng của những nhà khởi nghiệp trẻ sớm trở thành hiện thực, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ nói chung. ■



TRỒNG, SẢN XUẤT CÀ PHÊ THEO PHƯƠNG PHÁP HỮU CƠ

Trang trại Cà phê Sơn Pacamara

Các yếu tố tác động đến chất lượng hạt cà phê

Hệ thực vật

Hệ thực vật tương tác có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của cây cà phê, giúp giữ ẩm cho đất, cung cấp bóng che cho cây cà phê, hạn chế sự phát triển của cỏ dại và một số loại côn trùng, sâu, bệnh.

Tỉa hệ thực vật tương tác là một hoạt động phải được thực hiện thường xuyên để tạo môi trường thông thoáng, cung cấp đủ ánh sáng và tạo ra lượng đất mùn cung cấp chất dinh dưỡng cho cây cà phê. Ngoài ra, tỉa cây còn giúp hạn chế sự sạt lở đất khi gặp các trận mưa lớn.

Vành đai cà phê

Vành đai cà phê là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của hạt cà phê. Nằm từ vĩ tuyến 23° Bắc đến 25° Nam và song song với đường xích đạo. Khí hậu đặc trưng của vùng vành đai cà phê có 2 mùa nắng, mưa rõ rệt.

Mùa khô (tháng 1-6) là mùa sau khi đã thu hoạch; thời gian này, cây đang trong giai đoạn tái tạo lại nên cần được cung cấp nhiều ánh sáng.

Mùa mưa (từ tháng 6 đến tháng 1 năm sau) là mùa cây ra trái và thu hoạch; thời gian này, mưa sẽ giúp cây có đủ lượng nước để nuôi dưỡng trái cũng như hòa tan phân bón giúp cây có đủ chất dinh dưỡng cần thiết.

Tuy nhiên, không phải vùng nào trong vành đai cà phê cũng có thể trồng được cà phê chất lượng cao vì phải đáp ứng các yếu tố khác như độ cao, nhiệt độ môi trường, thổ nhưỡng và hệ cây tương tác.

Độ cao

Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của cà phê. Cây cà phê được trồng tại các trang trại trên những vùng đồi núi cao có nhiệt độ thấp, sẽ làm cho quy trình sinh trưởng của cây dài hơn, từ đó hình thành nhiều hợp chất phức tạp. Quy trình sinh trưởng dài còn giúp quả cà phê có thời gian để phát triển, tạo nên hạt cà phê với nhiều hương vị và đặc tính tốt hơn.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, thời gian phát triển lâu làm cho hạt cà phê cứng hơn. Do đó, cà phê được trồng tại những nơi có độ cao lớn, hạt cà phê còn giữ được mùi (aroma) và tính acid (acidity).

Ngoài ra, cây cà phê trồng ở độ cao lớn ít bị côn trùng, sâu, bệnh tấn công, từ đó giúp cây tổng hợp ít caffeine hơn.

Tuy nhiên, hương và vị của cà phê còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác như giống, phương pháp chăm sóc, quy trình sơ chế,...

Toàn bộ cà phê của Trang trại cà phê Sơn Pacamara đều được nuôi trồng ở độ cao trung bình 1.500 m tại phường 5, thành phố Đà Lạt. Đây là một trong những tiêu chuẩn để tạo nên dòng cà phê có chất lượng cao và tinh túy nhất của Sơn Pacamara.

Hầu hết cây cà phê chỉ có một vụ thu hoạch chính vào mỗi năm. Thường sẽ nở hoa vào đầu tháng 3, tạo những bông hoa trắng với mùi nồng giống như hoa nhài. Côn trùng và ong giúp thụ phấn hoa (Arabica có khả năng tự thụ phấn). Khác với Robusta, quả cà phê Arabica không chín cùng một lúc nên người sản xuất cà phê





phải thu hái nhiều lần để chỉ thu hoạch những quả đã chín.

Vỏ cà phê sau khi được tách trong quá trình sơ chế, được ủ để phân hủy trong ít nhất 1 năm; sau đó dùng làm phân hữu cơ cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.

Thành phần cà phê

Cà phê là một trong những loại thức uống phổ biến. Các hạt cà phê khi chưa rang có độ dày đặc cao (density), chiếm khoảng 1/2 trong hạt xanh là carbohydrate với rất nhiều hình thức đa dạng; còn lại là hỗn hợp nước, protein, chất béo, acid và alkaloid (caffeine và trigonelline).

Đường

Đa số là sucrose, chiếm 6-9% khối lượng hạt khô và tạo nên độ ngọt của cà phê. Trong khi rang, quá trình nâu hóa đường sucrose (caramelization) sẽ tạo nên acid acetic.

Caffeine

Chiếm khoảng 1% khối lượng hạt cà phê; là thành phần chính tạo nên tính kích thích cho cà phê. Cây cà phê tự tổng hợp chất caffeine để chống lại côn trùng. Những cây cà phê được trồng ở độ cao càng cao thì sẽ có hàm lượng caffeine ít hơn vì rủi ro bị tấn công bởi côn trùng thấp hơn.

Acid hữu cơ

Các acid hữu cơ cơ bản là chlorogenic acids (CGAs), chiếm khoảng 7-10% khối lượng hạt cà phê khô. CGAs tạo nên tính acid, là một trong những nguyên nhân chủ yếu tạo nên vị chua của cà phê. CGAs có thể giúp chống oxy hóa. Ngoài ra, trong hạt cà phê còn có các acid hữu cơ khác như acid citric, quinic, caffeic, malic, acetic và formic.

Chất béo

Chiếm khoảng 16% khối lượng hạt cà phê. Dù không tan được trong nước nhưng trong hạt cà phê vẫn có chất béo, đặc biệt đối với các phương



pháp pha chế không dùng bộ lọc (cupping) hoặc dùng rất ít bộ lọc (Espresso, French press hoặc lọc bằng kim loại/vải). Chất béo có 2 dạng:

- Dạng acid: chất béo có chứa acid, nồng độ tùy thuộc vào các giống cà phê cũng như điều kiện chăm sóc khác nhau.

- Dạng este: dễ bay hơi, là nguồn gốc của hương thơm cà phê. Theo các nghiên cứu cho thấy, một loại chất béo có thể tạo ra hơn 40 mùi hương khác nhau.

Protein

Protein và các amino acids tự do chiếm khoảng 10-13% khối lượng hạt cà phê khô. Amino acids và đường sẽ tương tác với nhau trong quá trình rang, đó là phản ứng Maillard, tạo ra glycosylamines và melanoidins là chất tạo nên vị đắng, màu nâu và mùi rang của cà phê. Hầu hết protein từ cà phê con người không thể hấp thụ được.

Độ ẩm

Độ ẩm lý tưởng cho hạt cà phê chưa rang là 10-13%, đảm bảo tạo ra một mẻ rang chất lượng cao. Nếu độ ẩm thấp hơn 10% sẽ làm quá trình rang diễn ra nhanh hơn; còn nếu trên 13% sẽ khiến hạt dễ bị ẩm mốc.

Chất khoáng

Trong cà phê còn có một lượng rất nhỏ các chất như: vôi, sắt, lưu huỳnh, natri, photpho, clo, silic,... Để tạo ra ly cà phê chất lượng cao, cần kết thúc quá trình pha trước 3 phút vì sau đó cà phê sẽ bắt đầu chiết xuất ra những kim loại không tốt.

Nguyên tố vi lượng

Một ly cà phê có chứa một lượng các nguyên tố vi lượng. Các dữ liệu thu được cho thấy, trong 100 ml cà phê đen gồm các nguyên tố vi lượng sau: Kali (92 mg), Magie (8 mg), Mangan (0,05 mg), Vitamin B2 (0,01 mg), Vitamin B3 (0,7 mg).



Thu hoạch cà phê

Quá trình thu hoạch cà phê là khởi đầu cho chất lượng và định hình nên các đặc tính của cà phê, các quá trình sau đó chỉ có nhiệm vụ bảo tồn chất lượng thay vì cải thiện nó. Việc lựa chọn cẩn thận và tỉ mỉ từng quả cà phê đạt độ chín tốt là yếu tố thiết yếu trong quá trình tạo nên tách cà phê có chất lượng cao.

Một trong những khó khăn lớn nhất khi thu hoạch cà phê Arabica là cà phê chất lượng cao đòi hỏi được trồng ở các trang trại có độ cao và ở những vùng núi có độ dốc lớn. Điều đó dẫn đến việc đi lại để hái giữa các cây và vận chuyển cũng trở nên khó khăn, nguy hiểm.

Ngoài ra, khác với Robusta (trái chín nguyên cây), cà phê Arabica thường sẽ cho trái chín thành nhiều đợt và người hái phải phân chia thời gian thu hoạch thành nhiều lần để có thể hái hết quả chín trên cây. Hiện tại có 3 hình thức thu hoạch chính.

Thu hoạch bằng máy

Chủ yếu được sử dụng tại Brazil, nơi có những vùng đất trồng cà phê bằng phẳng và độ cao lớn. Những nông dân lái máy thu hoạch dọc những hàng cây cà phê. Những cỗ máy rung cây cho đến khi quả rụng. Hình thức này rất nhiều nhược điểm như máy rung cây sẽ làm rụng cả quả chín, quả xanh, cành và lá, tất cả quả trên cành đều bị thu hoạch dù chưa chín hoặc kém chất lượng. Điều này đòi hỏi phát sinh công đoạn sàng lọc lại sau khi thu hoạch. Chi phí sản xuất với hình thức thu hoạch bằng máy thấp hơn so với tất cả các phương pháp thu hoạch khác nhưng chất lượng sẽ bị giảm sút theo.

Thu hoạch bằng cách hái tuốt bằng tay

Thường được sử dụng tại các vùng trồng Robusta - nơi mà máy móc không thể vận hành ở những vùng đồi núi nhấp nhô. Người nông dân thường trải tấm bạt lớn dưới đất và dùng tay tuốt một lần tất cả quả khỏi cành. Tương tự như thu hoạch bằng máy, cách thu hoạch này nhanh nhưng kèm theo là quả xanh, cành và lá. Phương pháp này không đòi hỏi trang thiết bị đắt tiền hay địa hình phải bằng phẳng nhưng chất lượng cà phê không cao và vẫn phát sinh chi phí cho khâu lựa chọn lại sản phẩm đảm bảo theo yêu cầu.

Thu hoạch bằng cách hái chọn lọc bằng tay

Để tạo ra cà phê chất lượng cao, hái bằng tay là biện pháp thu hoạch tốt nhất. Người hái chỉ chọn những quả đã chín đủ để thu hoạch, những quả xanh trên cành sẽ được thu hoạch vào các lần tiếp theo. Phương pháp này tốn nhiều công sức và tài chính hơn. Thêm vào đó, người sản xuất đối diện với nhiều khó khăn hơn, đòi hỏi

công nhân thu hoạch phải nắm rõ yêu cầu và đảm bảo chất lượng quả thu hái. Ngoài ra, nếu trời mưa, quả sẽ hấp thụ nước quá nhiều, nếu không hái kịp sẽ làm quả bị nứt và rụng, ảnh hưởng đến cả chất lượng lẫn sản lượng cà phê; kèm theo chi phí thu hoạch tăng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất dẫn đến giá thành sản phẩm cao và khó được thị trường chấp nhận nếu khách hàng không hiểu rõ chất lượng của sản phẩm.

Tại Đà Lạt, mùa trái chín thường sẽ rơi vào mùa mưa bão (tháng 10-12), nhiệt độ thường rất lạnh, có thể xuống đến 7°C, mưa dầm và đường đi trơn trượt nên việc sản xuất cà phê Arabica chất lượng cao đòi hỏi tâm huyết và đam mê của người sản xuất.

Phương pháp sơ chế sau thu hoạch

Phương pháp sơ chế sau thu hoạch có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng tách cà phê. Công đoạn này ngày càng đặc biệt quan trọng đối với cà phê đặc biệt. Mục đích lớn nhất của việc lựa chọn phương pháp sơ chế nhằm đảm bảo tỷ lệ sản phẩm lỗi nhỏ nhất, ổn định và không gây giảm sút chất lượng của cà phê.

Sau khi thu hoạch, quả cà phê cần được sơ chế trong vòng 24h để không bị hỏng dẫn đến không đảm bảo chất lượng. Quả cà phê được sơ chế để tách thịt khỏi hạt, tại đây cà phê được chế biến để được hạt cà phê dạng hạt khô vẫn còn lớp vỏ thóc bọc bên ngoài. Hạt cà phê ban đầu có độ ẩm khoảng 60% và cần được phơi để giảm độ ẩm xuống còn 10-13%, đảm bảo hạt cà phê không bị thối, mốc trong quá trình tồn kho, buôn bán và vận chuyển.

Tốc độ phơi và khả năng dự trữ

Theo các nghiên cứu cho thấy, phơi cà phê chậm và đều không những mang lại chất lượng tốt nhất mà còn giúp bảo tồn hương vị của cà phê khi được lưu trữ ở dạng sống. Cà phê phơi quá nhanh có thể bị giảm chất lượng ngay sau khi được giao đến người rang. Trong nhiều trường hợp, chất lượng sẽ giảm sau vài tháng hoặc chỉ vài tuần, gây bất lợi cho quá trình rang và chất lượng sản phẩm cà phê cuối cùng sẽ giảm.

Sản phẩm lỗi

Các sản phẩm lỗi ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của cà phê. Những lỗi này có thể đến từ các vật vô tình lẫn vào trong lúc thu hoạch như lá, cành cây, đá, quả chưa đủ độ chín, bị sâu hại. Những sản phẩm lỗi này cần được loại bỏ bằng tay sau khi thu hoạch. Tiếp theo, quả cà phê sẽ được bỏ vào bồn nước để loại bỏ các quả nổi không đủ độ chín, không đủ độ đặc của hạt hay hạt lép còn sót lại.



Những lưu ý khi lên men

Luôn kiểm tra các thông số trong quy trình lên men gồm độ ngọt, pH, nhiệt độ, độ ẩm, nồng độ oxy trong nước. Hiểu rõ về các quy trình lên men, điều kiện của nông trại, đặc tính của hạt cà phê để chọn quy trình phù hợp nhất nhằm đảm bảo chất lượng của cà phê. Phơi cà phê trên sàn, không được phơi dưới đất để tránh bị hút ẩm làm cà phê bị mốc.

Các phương pháp lên men phổ biến

Phương pháp chế biến khô

Đây là phương pháp xử lý lâu đời nhất. Sau khi được thu hoạch, quả cà phê được trải thưa để phơi khô dưới ánh sáng mặt trời (có thể phơi trên sân bê tông, sàn phơi lưới để tạo sự lưu thông không khí xung quanh quả, giúp quả khô đồng đều hơn). Quả cà phê phải được đảo thường xuyên để tránh bị úng hay lên men. Sau khi cà phê được phơi khô đúng độ, lớp vỏ ngoài và thịt quả được loại bỏ bằng máy. Hạt cà phê còn lại được lưu trữ đến ngày vận chuyển.

Chế biến khô giúp tạo thêm nhiều hương vị cho cà phê. Tuy nhiên, những hương vị này thường tạo cảm giác khó chịu. Ở những nơi không có nguồn nước dồi dào, đây là lựa chọn duy nhất của nhà sản xuất. Trên thế giới, phương pháp chế biến khô chỉ thích hợp với cà phê chất lượng rất thấp hay cà phê chưa chín. Loại cà phê được xử lý theo phương pháp này được sản xuất với chi phí thấp nhất, thường được bán tại thị trường nội địa và có giá trị rất thấp. Do có giá trị thấp nên hầu như các nhà sản xuất không đầu tư vào sản phẩm mà tập trung vào việc theo dõi cẩn thận trong suốt thời gian phơi hạt.

Phương pháp chế biến tự nhiên này thường tạo thêm hương vị trái cây cho tách cà phê. Những hương vị này được miêu tả giống với trái cây nhiệt đới và thường có những đánh giá không tốt như có mùi vị trái cây thối hoặc lên men. Nhiều ý kiến cho rằng việc có quá nhiều mùi nồng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến các mùi hương tinh tế của cà phê.

- Ưu điểm

Giữ lại được lớp nhầy của trái cà phê tốt nhất trong tất cả các phương pháp lên men, tiết kiệm lượng nước tốt nhất và chi phí đầu tư thấp do không dùng đến máy móc, dụng cụ. Có được hương vị trái cây khô.

- Nhược điểm

Không giữ lại được độ chua, hương vị không phức tạp và tinh tế. Rất khó kiểm soát độ ẩm trong quy trình phơi, dễ bị hỏng dẫn đến chất lượng không đồng đều và khó rang. Cần nắng

tốt, những vùng thiếu nắng trong mùa thu hoạch không áp dụng được phương pháp này.

Phương pháp chế biến ướt

Mục đích của phương pháp chế biến ướt nhằm loại bỏ tất cả phần thịt trong hạt cà phê trước khi được phơi khô. Điều này tối thiểu hoá khả năng các vấn đề xảy ra trong quá trình phơi, dẫn đến hạt cà phê có giá trị cao hơn. Tuy nhiên, phương pháp này thường phải mất chi phí cao hơn so với những phương pháp khác do cần đầu tư máy móc, dụng cụ cũng như nước nhiều hơn.

Sau khi hái, lớp vỏ ngoài và hầu hết phần thịt quả cà phê bị loại bỏ bằng máy tách vỏ. Cà phê sau đó được chuyển vào một bể nước sạch để loại bỏ phần thịt dính lại trên hạt lên men (thịt quả cà phê có rất nhiều chất pectin và dính chặt vào hạt). Quá trình lên men giúp phá huỷ cấu trúc phần thịt còn dính lại, khiến lớp thịt này có thể bị rửa trôi bằng nước.

Mỗi nhà sản xuất sẽ dùng lượng nước khác nhau trong giai đoạn lên men. Thời gian lên men phụ thuộc vào nhiều yếu tố gồm độ cao và nhiệt độ bao quanh. Quá trình lên men sẽ diễn ra nhanh hơn khi nhiệt độ tăng. Nếu để cà phê lên men quá lâu, những hương vị xấu sẽ thâm nhập vào hạt.

Tiếp theo, hạt sẽ được mang đi phơi. Khi thiếu ánh nắng hay độ ẩm tăng cao, có thể dùng máy sấy để làm khô hạt, giảm độ ẩm của hạt xuống còn 11-12%. Tuy nhiên, cà phê phơi máy bị đánh giá chất lượng thấp hơn cà phê phơi nắng và ngay cả cà phê phơi trên sân khô quá nhanh cũng không đạt được chất lượng tốt nhất.

Đa số các nhà sản xuất cà phê chất lượng cao chọn sơ chế ướt để giảm lượng hạt lỗi và phương pháp này cũng ảnh hưởng nhiều đến đặc tính của tách cà phê. So sánh với những phương pháp xử lý khác, cà phê sơ chế ướt có nồng độ acid cao hơn, làm tăng chiều sâu, tách cà phê sạch hơn, tạo ra nhiều hương vị phức tạp và tinh tế hơn.

- Ưu điểm

Rửa sạch lớp nhầy giúp hạt cà phê khô nhanh hơn; tăng tính acid và các acid tạo mùi phức tạp cho cà phê; phù hợp cho những vùng thiếu nắng vào mùa thu hoạch; chất lượng và màu sắc đồng đều giúp rang cà phê tốt hơn; dễ kiểm soát các quy trình với máy móc hỗ trợ, tránh bị hỏng.

- Nhược điểm

Sử dụng nhiều nước. Tăng độ chua và không giữ lại được vị tốt nhất cho những loại cà phê có vị kém. Cần phải đầu tư máy móc và dụng cụ nhiều hơn. ■



ISO 22301:2012

VÀ SỰ KHÁC BIỆT VỚI CÁC TIÊU CHUẨN CÓ YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ RỦI RO

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ - SMEDEC 2

Doanh nghiệp có thể gặp nhiều sự cố, rủi ro trong quá trình hoạt động như thiên tai, cháy nổ, kỹ thuật,... Những sự cố này được xem là tương tự với “sự không phù hợp” hoặc “trường hợp khẩn cấp” được xác định trong các tiêu chuẩn khác.

Tiêu chuẩn quốc tế ISO 22301:2012 (An ninh xã hội - Hệ thống quản lý kinh doanh liên tục - Các yêu cầu) được biên soạn bởi Ủy ban Kỹ thuật ISO/TC 223, quy định các yêu cầu để lập kế hoạch, thiết lập, thực hiện, vận hành, theo dõi, xem xét, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý tài liệu nhằm bảo vệ, chống lại, giảm khả năng xảy ra; chuẩn bị, ứng phó và phục hồi sự cố gây gián đoạn kinh doanh.

Như vậy, ISO 22301 là tiêu chuẩn về xây dựng hệ thống quản lý để đảm bảo xã hội được bảo vệ nếu một sự cố gây xáo trộn trong doanh nghiệp, điều này rất giống với quản lý rủi ro. Tuy nhiên, trọng tâm của tiêu chuẩn nhằm bảo vệ những đối tượng bên ngoài có liên quan đến doanh nghiệp bởi vì “an ninh xã hội” là mục đích cuối cùng của tiêu chuẩn, không phải để bảo vệ doanh nghiệp tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh mà nhằm đảm bảo rằng doanh nghiệp có thể kinh doanh liên tục để bảo vệ xã hội.

Ngoài ra, tiêu chuẩn còn nêu định nghĩa về “kinh doanh liên tục”, đây là khả năng của doanh nghiệp trong việc tiếp tục phân phối sản phẩm, dịch vụ ở các mức độ được xác định trước, có thể chấp nhận được sau sự cố gây gián đoạn. Tiêu chuẩn này cũng công nhận doanh nghiệp và bối cảnh của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng và chứng minh cho các doanh nghiệp khác trong chuỗi cung ứng rằng nếu có sự cố xảy ra, doanh nghiệp hoàn toàn có thể tiếp tục hoặc ít



nhất là phục hồi với sự gián đoạn trong thời gian nhanh nhất.

Như vậy, các yêu cầu của ISO 22301 tương tự như những tiêu chuẩn khác do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa ban hành; tuy nhiên, tiêu chuẩn này đòi hỏi phải được nhấn mạnh hơn và có tính mô tả hơn. Ví dụ, ISO 14001 và ISO 45001 đều yêu cầu các quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp và thử nghiệm chúng nhưng cả 2 tiêu chuẩn đều không yêu cầu chi tiết như ISO 22301; những tình huống trước đây đã được chấp nhận so với các tiêu chuẩn khác nhưng tại ISO 22301, các tình huống này không được chấp nhận vì chưa đủ mức chi tiết.

Thêm vào đó, đối với các tiêu chuẩn khác, khi một sự không phù hợp xảy ra, doanh nghiệp có thể quyết định phải làm thế nào để khắc phục và thực hiện các hành động khắc phục tương ứng. Trong ISO 22301, doanh nghiệp phải xác định đầy đủ các phương án phải thực hiện trước khi sự không phù hợp nào đó có thể xảy ra và được chuẩn bị ngay cả khi sự không phù hợp không bao giờ xảy ra. ■

HOÀP THỜ CÔNG TÀUC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học và công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 32 trang/số).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ

Số 35 Trần Hưng Đạo, phường 10, Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3545479 - 3833163

Email: trungtamthongtinld@gmail.com - Website: <http://lamdongdost.gov.vn>

Một số hình ảnh
**CHUNG KẾT CUỘC THI TÌM KIẾM TÀI NĂNG
KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**





Chào mừng

Festival Hoa Đà Lạt lần thứ VIII - Năm 2019

